

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, L=Nam Từ Liêm,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
0500574676
Reason: I am the author of this document
Location: 12345678
Date: 2026-03-14 16:39:14
Foxit Reader Version: 9.7.1

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

Số: 01/2026/BC-TCKT-SCIEC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2026.

BÁO CÁO Thường niên năm 2025

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0500574676 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 05 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 31 tháng 08 năm 2025.
- Vốn điều lệ: 304.914.090.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn tỷ, chín trăm mười bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng). Công ty đang trong quá trình báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Nếu kết quả chào bán được thông qua thì vốn điều lệ của công ty sẽ là 420.000.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tỷ đồng).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 304.914.090.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn tỷ, chín trăm mười bốn triệu, không trăm chín mươi nghìn đồng). Công ty đang trong quá trình báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Nếu kết quả chào bán được thông qua thì vốn đầu tư của chủ sở hữu sẽ là 420.000.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi tỷ đồng).
- Địa chỉ: Tầng 3 tháp C tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trí, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Số điện thoại: (+84-24) 33868243
- Số fax: (+84-24) 33868243
- Website: <http://scigroup.vn/>
- Mã cổ phiếu (nếu có): SCI
- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay)
 - ☐ Từ năm 2006 đến năm 2007: Nhà máy chế tạo cơ khí Sông Đà trực thuộc Công ty Cổ phần Sông Đà 9. Nhiệm vụ chính:
 - + Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng;
 - + Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe;
 - + Xây dựng đường dây và trạm biến thế.
 - ☐ Từ năm 2007 đến năm 2010: Công ty TNHH MTV cơ khí và sửa chữa Sông Đà 9. Nhiệm vụ chính:
 - + Chế tạo, lắp đặt các cấu kiện cơ khí; sản xuất phụ tùng ô tô, phụ tùng máy xây dựng;
 - + Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, máy xây dựng và xe;
 - + Xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng, thiết bị công nghệ xây dựng;



- + Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp;
- + Khai thác mỏ và sản xuất vật liệu xây dựng.

□ Từ năm 2010 đến năm 2016: Công ty tiến hành cổ phần hóa và đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty đã năng động hơn để thích ứng với điều kiện của kinh tế thị trường, mở rộng thêm ngành nghề kinh doanh, chủ trọng vào phát triển xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ, giao thông đường thủy, thủy điện, nhiệt điện, thủy lợi, xây lắp điện; từng bước chuyển dần một phần tỷ trọng xây lắp sang thương mại, dịch vụ, đầu tư; tăng cường nhân lực chất lượng cao, máy móc thiết bị hiện đại.

□ Từ năm 2017 đến nay: Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9 thành Công ty Cổ phần SCI E&C để đồng bộ với các Công ty trong Tập đoàn và vẫn tiếp tục phát triển các ngành nghề theo định hướng chiến lược.

- Các sự kiện khác:

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: (Nêu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Xây dựng.

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất): Việt Nam và Lào.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị (nêu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp):

Tuân thủ theo điều 137, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020, Công ty Cổ phần SCI E&C hoạt động theo mô hình gồm có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc.

Trong đó, ít nhất 20% số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập và có Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm toán quy định tại Điều lệ công ty.

Công ty có hai người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, quyết định về đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng, thế chấp giá trị lớn, quyết định về sáp nhập, mua lại hợp nhất, chia tách công ty, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty (được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty).

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế hoạch phát triển kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý; đưa ra các quyết định nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra. Cơ cấu Hội đồng quản trị đương nhiệm.

- | | |
|--------------------------|--|
| - Ông Phan Thanh Hải | - Chủ tịch |
| - Ông Nguyễn Chính Đại | - Phó chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/01/2025) |
| - Ông Lưu Minh Thành | - Thành viên |
| - Ông Nguyễn Tài Sơn | - Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/3/2025) |
| - Ông Nguyễn Quang Thiện | - Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/3/2025) |
| - Bà Mai Thị Vân Anh | - Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/03/2025) |
| - Ông Lê Huy Thành | - Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 28/3/2025) |
| - Ông Nguyễn Duy Toàn | - Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 28/3/2025) |

Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán là cơ quan giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty, tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty và các hoạt động khác nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty. Ủy ban kiểm toán gồm:

- | | |
|--------------------------|--|
| - Ông Nguyễn Quang Thiện | - Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/3/2025) |
| - Ông Nguyễn Tài Sơn | - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/3/2025) |
| - Ông Lê Huy Thành | - Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/3/2025) |
| - Ông Nguyễn Duy Toàn | - Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/3/2025) |

Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban Giám đốc gồm:

- | | |
|------------------------|---|
| - Ông Lưu Minh Thành | - Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Chí Tuyền | - Phó giám đốc |
| - Ông Bùi Chí Giang | - Phó Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Công Hòa | - Phó giám đốc |
| - Bà Mai Thị Vân Anh | - Phó giám đốc |
| - Ông Trần Hoài Nam | - Phó giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/12/2025) |

Các công ty con, công ty liên kết (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết)

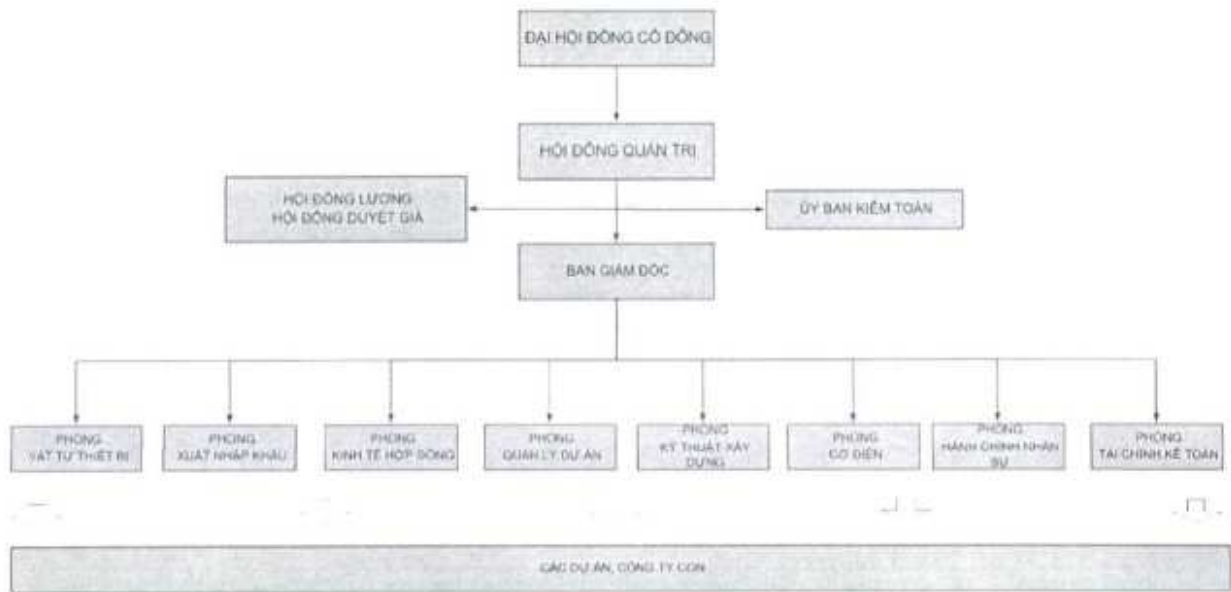
- Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc
 - + Địa chỉ: Bản Nà Cúng, Xã Khổng Lào, Tỉnh Lai Châu, Việt Nam;
 - + Lĩnh vực: Xây lắp;
 - + Vốn điều lệ thực góp: 2.000.000.000 đồng;
 - + Tỷ lệ sở hữu: 100%.

Các phòng ban, bộ phận, Chi nhánh, Công ty thành viên

Các phòng ban, bộ phận, Chi nhánh, Công ty thành viên trong Công ty thực hiện các công việc

1057
ĐN
Ổ P
CI
EM

chức năng nhằm đảm bảo cho việc quản lý, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban giám đốc được hiệu quả và đúng luật.



4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

"Chất lượng cho từng sản phẩm" luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần SCI E&C, là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

Phương châm công ty đề ra :

i. Cung cấp các công trình xây dựng đảm bảo đạt "An toàn - Chất lượng - Tiến độ" và không ngừng cải tiến để đáp ứng tối đa yêu cầu của khách hàng.

ii. Nâng cao sự hài lòng của khách hàng bằng việc liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng và chất lượng sản phẩm theo nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

iii. Tạo niềm tin và uy tín đối với khách hàng thông qua việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng tốt, ổn định đáp ứng, thoả mãn các yêu cầu của khách hàng cũng như các yêu cầu của Luật pháp.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Trong suốt quá trình phát triển của mình, Công ty luôn giữ vững phương châm "Chất lượng và đảm bảo tiến độ là thượng hiệu", để đạt được điều đó Công ty đã không ngừng đầu tư công nghệ, đào tạo nâng cao trình độ nguồn nhân lực. Công ty luôn đưa ra những quyết sách phù hợp với tình hình thực tế từng thời kỳ để giữ vững vị thế là một trong những công ty hàng đầu về lĩnh vực thi công các công trình thủy lợi, thủy điện... Cụ thể như sau:

+Tập trung thi công các công trình đã ký kết, đảm bảo đúng tiến độ, đúng chất lượng kỹ thuật.

+ Nhanh chóng nghiệm thu các công trình đã hoàn thành, thúc đẩy quá trình thu hồi vốn để tái sản xuất.

+ Nghiên cứu công nghệ mới, phục vụ cho quá trình thi công.

+ Nâng cao hơn nữa hoạt động Marketing trong thời gian tới, tham gia đấu thầu các công trình, các dự án trọng điểm, đặc biệt là các dự án về năng lượng.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Công ty cố gắng triển khai các hoạt động để đảm bảo việc phát triển bền vững liên quan đến môi trường, xã hội và cộng đồng như: Giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường, hỗ trợ lao động địa phương tại các công trình thi công...

Trên cơ sở các dự án đang thực hiện, Công ty tiếp tục nỗ lực thực hiện nhằm đáp ứng mục tiêu tiến độ, chất lượng các dự án đang triển khai, cụ thể như sau:

1. Công trình Thủy điện Nậm Mô 2: Toàn dự án hoàn thành 92%
2. Công trình Thủy điện Nam Sam 3A: Toàn dự án hoàn thành 13%
3. Công trình Thủy điện Nậm Mô 1: Toàn dự án hoàn thành 0,1%
4. Công trình nhà máy thủy điện Trị An mở rộng: Toàn dự án hoàn thành 2%
5. Công trình nhà máy điện gió Hướng Phùng 1: Toàn dự án hoàn thành 0,4%
6. Công trình Khu công nghiệp Dốc Đá Trắng: Toàn dự án hoàn thành 4%

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh,...).

5.1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế sẽ tác động đến mọi lĩnh vực, ngành nghề và đối tượng trong nền kinh tế, trong đó có Công ty Cổ phần SCI E&C. Các chỉ số kinh tế vĩ mô chính thường được sử dụng để đánh giá sự phát triển của nền kinh tế một quốc gia bao gồm: tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái....

☐ Rủi ro tăng trưởng

- Sự phát triển của ngành xây dựng phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi trở lại, Chính phủ sẽ tăng mức giải ngân vào lĩnh vực xây dựng, đặc biệt là xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển các dự án về năng lượng. Cùng với đó là sự đầu tư mạnh mẽ của các doanh nghiệp FDI trong thời gian gần đây cũng đã góp phần khiến giá trị ngành xây dựng tăng mạnh.

- Như vậy, triển vọng tích cực của nền kinh tế sẽ làm giảm rủi ro kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần SCI E&C nói riêng.

☐ Lạm phát

- Công ty Cổ phần SCI E&C là doanh nghiệp xây dựng nên luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong 2025 đã ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống, mở rộng tìm nhà cung cấp mới để so sánh giá và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

☐ Lãi suất

- Năm 2025, lãi suất đang có xu hướng tăng so với các năm trước. Năm 2025, lãi suất cho vay phổ biến ở mức 5,8 - 7,0% / năm, tăng dần về cuối năm. Công ty Cổ phần SCI E&C có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, tuy nhiên Công ty đã tích cực sử dụng các biện

pháp tăng nguồn vốn chủ sở hữu, giảm rủi ro về lãi vay...

☐ Tỷ giá hối đoái

- Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

- Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ. Do vậy các biến động tỷ giá hối đoái sẽ làm thay đổi chi phí sản xuất (tính ra đồng Việt Nam) của Công ty.

5.2. Rủi ro pháp luật

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về đất đai, xây dựng, môi trường,... Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành Xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

- Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

5.3. Rủi ro đặc thù

☐ Rủi ro biến động giá nhiên liệu đầu vào

- Công nghệ thi công của Công ty dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

☐ Rủi ro khoản phải thu khó đòi

- Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước và thanh toán theo từng giai đoạn công trình.

☐ Rủi ro vận hành

- Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.4. Rủi ro khác

- Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm (Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,...)*

Năm 2025, Công ty tích cực triển khai các hoạt động theo kế hoạch đã đặt ra, không có thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,...

Tuy nhiên doanh thu, lợi nhuận trước thuế năm 2025 giảm so với năm trước do Công ty đang trong giai đoạn nghiệm thu kết thúc công trình cũ, bắt đầu thi công các hợp đồng mới.

- *Tình hình thực hiện so với kế hoạch: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề*

TT	Chi tiêu	Đvt	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ % thực hiện năm 2025	
				So với kế hoạch năm 2025	So với thực hiện năm 2024
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	tỷ VND	688,50	54,8%	65,78%
2	Doanh thu	tỷ VND	846,34	64,6%	83,97%
3	Tiền về tài khoản	tỷ VND	1.015,20	107,0%	106,90%
4	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	tỷ VND	4,05	51,0%	54,00%
5	Thu nhập bình quân người /tháng	VND	21,3	99,0%	100,47%

Do Công ty đang trong giai đoạn nghiệm thu kết thúc công trình cũ, bắt đầu thi công các hợp đồng mới và tình hình khó khăn chung của các công ty xây dựng nên giá trị sản xuất kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận hợp nhất trước thuế của công ty đều giảm so với năm trước và không đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên Công ty đã cố gắng thu hồi công nợ cũ, duy trì và đảm bảo thu nhập của lao động. Theo đó tiền về tài khoản vượt kế hoạch và vượt so với năm trước; thu nhập bình quân giảm không đáng kể so với kế hoạch và vẫn vượt mức thực hiện năm trước.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế

toàn trường và các cán bộ quản lý khác).

2.1 Hội đồng quản trị

- Ông Phan Thanh Hải	Chủ tịch
- Ông Nguyễn Chính Đại	Phó chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/01/2025)
- Ông Lưu Minh Thành	Thành viên
- Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/3/2025)
- Ông Nguyễn Quang Thiện	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/3/2025)
- Bà Mai Thị Văn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/03/2025)
- Ông Lê Huy Thành	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 28/3/2025)
- Ông Nguyễn Duy Toàn	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 28/3/2025)

❖ Sơ yếu lý lịch của Hội đồng quản trị

↓ Ông Phan Thanh Hải Chủ tịch

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 07/01/1984.
- Nơi sinh: Nghệ An
- Số CCCD: 0400840000004.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Quảng Trị.
- Địa chỉ thường trú: Tòa Pearl 1, Chung cư Mỹ Đình Pearl, số 1 Châu Văn Liêm, phường Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - † 2007 + 2008: Công ty TNHH hệ thống thông tin FPT.
 - † 2009 + 2010: Công ty cổ phần hệ thống thông tin FPT.
 - † 2010 + 2016: Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9.
 - † 2016 + 2017: Kế toán trưởng Công ty CP SCI E&C.
 - † 2017 + 2018: P. Giám đốc Công ty CP SCI E&C.
 - † 2018 + 2019: Giám đốc Công ty CP SCI E&C.
 - † 2019 + 2021: P. Giám đốc Công ty CP SCI E&C.
 - † 2021+ nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- Số cổ phần nắm giữ: 7.648.810 cổ phần (tỷ lệ 25,08%) (chưa tính đến 12.928 cổ phiếu nộp tiền thêm trong đợt Công ty chào bán cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu)
Trong đó:
 - † Sở hữu cá nhân: 25.856 cổ phần (tỷ lệ 0,08%).
 - † Đại diện sở hữu: 7.622.954 cổ phần (tỷ lệ 25%).

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Nguyễn Chính Đại**

Phó Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 21/04/1978.
- Nơi sinh: TP. Hà Nội.
- Số CMTND: 013025232.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: TP. Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và Công nghiệp.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 2001 + 2003: Kỹ sư giám sát Công ty Liên doanh xây dựng quốc tế VIC;
 - + 2003 + 2004: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Hà Nội;
 - + 2004 + 2007: Phó giám đốc Xi nghiệp 1- Công ty cổ phần Sông đá 909;
 - + 2007 + 2009: Giám đốc BQL Dự án Nhà máy thủy điện Phình Hồ - Công ty cổ phần Sông đá 909;
 - + 2010 đến 2016: Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc - Công ty CP xây dựng và đầu tư Sông Đà 9.
 - + 2016 đến nay 2018: Giám đốc Công ty CP SCI E&C
 - + 2018 đến 09/2019: Chủ tịch HĐQT Công ty CP SCI E&C
 - + 10/2019 đến 2022: Thành viên HĐQT Công ty CP SCI E&C kiêm Giám đốc Công ty CP SCI E&C.
 - + 2023 tới 01/01/2025: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty : Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 5.336.062 cổ phần (tỷ lệ 17,50%).
- Trong đó:
 - + Sở hữu cá nhân: 25 cổ phần (tỷ lệ 0,00%).
 - + Đại diện sở hữu: 5.336.037 cổ phần (tỷ lệ 17,50%).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Lưu Minh Thành**

Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 25/07/1991.
- Nơi sinh: Quảng Trị.

- Số CMTND: 045091003365.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Quảng Trị.
- Địa chỉ thường trú: Nguyễn Viết Xuân, phường Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng Công trình thủy.

Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:

- + 2015 ÷ 2016: Kỹ thuật hiện trường Công ty Cổ phần Sông Đà 9.
- + 2016 ÷ 2017: Trưởng ban kế hoạch kỹ thuật – Dự án Sunrise Bay Đà Nẵng - Công ty Cổ phần Trung Nam.
- + 2017 ÷ 2018: Phó giám đốc Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ.
- + 2018 ÷ 2020: Giám đốc Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ.
- + 2020 ÷ 2022: Phó giám đốc BĐH dự án Nam Sam 3 Công ty Cổ phần SCI E&C.
- + 05/2022 đến 12/2022: Phó giám đốc (Phụ trách thi công) Công ty Cổ phần SCI E&C.
- + 01/2023 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Giám đốc Công ty kiêm Thành viên Hội đồng quản trị.
- Số cổ phần nắm giữ: 7.320 cổ phần (tỷ lệ 0,02%) (chưa tính đến 3.660 cổ phiếu nộp tiền thêm trong đợt Công ty chào bán cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu).

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 7.320 cổ phần (tỷ lệ 0,02%).
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ Ông Nguyễn Tài Sơn Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 13/11/1958.
- Nơi sinh: Thanh Hóa.
- Số CMTND: 010388352.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú: Khu đô thị Định Công, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư thủy công – thủy điện.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 1982 ÷ 1985: Kỹ sư tại Công ty Khảo sát Thiết kế Điện.
 - + 1985 ÷ 1987: Trợ lý kỹ thuật tại Viện kỹ thuật cơ giới Quân sự.
 - + 1988 ÷ 2012: Trưởng đoàn thiết kế tại Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 1.
 - + 2012 ÷ 2017: Tổng Giám đốc tại Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1.



- 2019 ÷ 28/3/2025: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần SCI E&C.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 19.560 cổ phần (tỷ lệ 0,06%).
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 19.560 cổ phần (tỷ lệ 0,06%).
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Nguyễn Quang Thiện**

Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 19/05/1988.
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMTND: 001088023840.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Xã An Khánh, Thành phố Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân (chuyên ngành kế toán); Kỹ sư kinh tế xây dựng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - 2010 ÷ 2013: Trợ lý kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn định giá ACC Việt Nam.
 - 2013 ÷ 2017: Trợ lý kiểm toán, Kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).
 - 2017 ÷ nay: Phó giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán Thăng Long.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Không.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
- Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Bà Mai Thị Vân Anh**

Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nữ.
- Ngày tháng năm sinh: 20/02/1989
- Nơi sinh: Thanh Hóa.
- Số CMTND: 038189023502

050
C
C
S
T/L

- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Thanh Hóa.
- Địa chỉ thường trú: Phường Từ Liêm, TP Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 8/2011 ÷ 5/2016: Nhân viên Xuất khẩu Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long.
 - + 10/2016 ÷ 10/2017: Nhân viên Phòng Cung ứng – Mua hàng nhập khẩu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9 (nay là Công ty Cổ phần SCI E&C).
 - + 11/2017 ÷ 9/2019: Phó phòng Cung ứng Công ty Cổ phần SCI E&C.
 - + 9/2019 ÷ 4/2022: Trưởng phòng Cung ứng Công ty Cổ phần SCI E&C.
 - + 5/2022 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP SCI E&C.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
- Trong đó:
 - + Sở hữu: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ Ông Lê Huy Thành

Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 04/04/1991
- Nơi sinh: Hải Phòng.
- Số CMTND: 030091000024
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hải Phòng.
- Địa chỉ thường trú: Số 12 ngõ 61 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 6/2013 ÷ 6/2019: Kiểm toán viên – Công ty TNHH Kiểm toán Vaco.
 - + 7/2019 ÷ 4/2020: Chuyên viên Ban tài Chính – Công ty Cổ phần Tập đoàn Mặt Trời.
 - + 5/2020 ÷ 6/2021: Phó phòng Kiểm toán – Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Moore Aisc.
 - + 7/2021 đến nay: Phó Tổng Giám đốc – Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn VSA.
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Thành viên HĐQT độc lập, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán Công ty CP SCI E&C.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).

05
ĐN
Ủ F
CI
EM

Trong đó:

- + Số hữu: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Nguyễn Duy Toàn**

Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 08/12/1960
- Nơi sinh: Hà Nội.
- Số CMTND: 010060000007
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Hà Nội.
- Địa chỉ thường trú: 52 Ngách 2 Ngõ Thái Thịnh 1, phường Đồng Đa, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kỹ thuật công trình Thủy lợi.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 6/1984 ÷ 6/2012: Phó trưởng Đoàn Thiết kế / Phó Chủ nhiệm thiết kế các công trình thủy điện tại Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Điện 1 (PECC1).
 - + 7/2012 ÷ 12/2020: Trưởng phòng Thẩm định thiết kế dự án / Phó Trưởng BQL dự án Thủy điện Trung Sơn tại Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn.
 - + 2021 đến nay: Chuyên gia tư vấn cho các dự án Thủy điện, năng lượng tái tạo tại Việt Nam và Lào.
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Thành viên HĐQT độc lập.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).

Trong đó:

- + Số hữu: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

2.2 Ban giám đốc

- | | |
|------------------------|---|
| - Ông Lưu Minh Thành | Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Chí Tuyển | Phó giám đốc |
| - Ông Nguyễn Công Hóa | Phó giám đốc |
| - Bà Mai Thị Văn Anh | Phó giám đốc |
| - Ông Bùi Chí Giang | Phó Giám đốc |
| - Ông Trần Hoài Nam | Phó giám đốc (Bổ nhiệm ngày 04/12/2025) |

❖ **Sơ yếu lý lịch của Ban Giám đốc**

↓ **Ông Lưu Minh Thành** **Giám đốc**
(Như trên)

↓ **Ông Nguyễn Chí Tuyển** **Phó giám đốc**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 23/10/1983
- Nơi sinh: Ninh Bình.
- Số CMTND: 0350830004748.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Ninh Bình.
- Địa chỉ thường trú: Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình thủy lợi.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - † 7/2007-6/2008: Kỹ sư kỹ thuật chất lượng - Công ty TNHH MTV Sông Đà 908 / Sông Đà 9.
 - † 7/2008-06/2010: Phó phòng Kỹ Thuật chất lượng - Công ty TNHH MTV Sông Đà 908 / Sông Đà 9.
 - † 07/2010-6/2012: Giám đốc Công ty CPĐT Thanh Sơn / Đội trưởng Gói thầu Hệ thống lan can / Cao Tốc Cầu Giẽ Ninh Bình.
 - † 7/2012-6/2014: Trợ lý Kiểm toán - Công ty Kiểm Toán Vạn An.
Giám đốc Công ty TNHH Cơ Khí CXT.
 - † 7/2014-06/2015: Trưởng phòng Kỹ Thuật - Công ty Cổ phần Sông Đà 909.
 - † 07/2015-07/2016: Phó Giám đốc chi nhánh phía Nam - Công ty CP Xây dựng và đầu tư Sông Đà 9 (nay là Công ty Cổ phần SCI E&C).
 - † 08/2016-04/2023: Phó Chủ nhiệm dự án Nam Theun 1, Phó Chủ nhiệm dự án Nam Sam 3 - Công ty Cổ phần SCI E&C.
 - † 05/2023 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C
- Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc Công ty.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
Trong đó:
 - † Sở hữu: 0 cổ phần.
 - † Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Nguyễn Công Hòa** **Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nam.

- Ngày tháng năm sinh: 26/12/1980
 - Nơi sinh: Quảng Trị.
 - Số CMTND: 197091006
 - Quốc tịch: Việt Nam.
 - Dân tộc: Kinh.
 - Quê quán: Quảng Trị.
 - Địa chỉ thường trú: KĐT Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội.
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
 - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - † 8/2003÷11/2004: Chuyên viên tại Công ty TNHH Anh Sơn.
 - † 11/2004÷07/2006: Chuyên viên tại Công ty Đầu tư và Phát triển Đô thị Kinh Bắc.
 - † 09/2010÷10/2011: Chuyên viên phòng KTCL – TCAT Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
 - † 10/2011÷09/2012: Đội phó Đội xây lắp số 2 – Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
 - † 09/2012÷11/2017: Phó phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Cổ phần xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
 - † 12/2017÷07/2019: Trưởng phòng Cung ứng – Công ty Cổ phần SCI E&C
 - † 07/2019 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C
 - Chức vụ hiện tại tại công ty: Phó giám đốc.
 - Số cổ phần nắm giữ: 24.240 cổ phần (tỷ lệ 0,08%) (chưa tính đến 12.120 cổ phiếu nộp tiền thêm trong đợt Công ty chào bán cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu).
- Trong đó:
- † Số hữu: 24.240 cổ phần (tỷ lệ 0,08%).
 - † Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
 - Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

✚ **Bà Mai Thị Vân Anh** **Phó Giám đốc**
(Như trên)

✚ **Ông Bùi Chí Giang** **Phó Giám đốc**

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 23/10/1981.
- Nơi sinh: Ninh Bình.
- Số CMTND: 036081020777.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Ninh Bình.
- Địa chỉ thường trú: Phường Thiên Trường, Ninh Bình.

- Trình độ chuyên môn: Kỹ Sư Thủy Lợi.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - † 8/2007 ÷ 7/2009: Kỹ sư Thiết kế Chi Nhánh Tây Bắc – Công Ty CP Tư Vấn Sông Đà.
 - † 8/2009 ÷ 09/2010: Trưởng Ban Kỹ thuật Chi Nhánh Tây Bắc – Công Ty CP Tư Vấn Sông Đà.
 - † 10/2010 ÷ 01/2012: Phó Giám Đốc Chi Nhánh Tây Bắc – Công Ty CP Tư Vấn Sông Đà.
 - † 02/2010 ÷ 06/2012: Phó Phòng Kinh tế Công Ty CP sông Đà 5.
 - † 07/2012 ÷ 09/2013: Phó Phòng Kỹ Thuật Công Ty CP sông Đà 5.
 - † 10/2013 ÷ 04/2015: Phó Phòng Đấu Thầu Công Ty CP sông Đà 5.
 - † 05/2015 ÷ 03/2017: Trưởng Phòng Kỹ Thuật Công Ty CP sông Đà 5.
 - † 04/2017 ÷ 02/2018: Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP sông Đà 5.
 - † 03/2018 ÷ 12/2019: Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP sông Đà 5 kiêm Giám Đốc BDH dự án Nhà Máy Thép Hòa Phát.
 - † 01/2020 ÷ 03/2022: Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP sông Đà 5, kiêm Giám Đốc BDH dự án Thủy Điện Nam Emuon - Lào.
 - † 04/2022 ÷ 06/2023: Kinh doanh tự do.
 - † 6/2023 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ hiện tại tại Công ty: Phó giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
- Trong đó:
 - † Sở hữu: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
 - † Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

↓ **Ông Trần Hoài Nam**

Phó Giám đốc

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 07/08/1982.
- Nơi sinh: Phú Thọ.
- Số CMTND: 026082006051.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Quê quán: Phú Thọ.
- Địa chỉ thường trú: Thôn Tiên Đài, Xã Nguyệt Đức, Tỉnh Phú Thọ.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - † 8/2004 ÷ 5/2005: Kỹ thuật hiện trường – Xi nghiệp 1 – Công ty CP Sông Đà 909.
 - † 6/2005 ÷ 10/2006: Trưởng ca Khu mỏ đá – Xi nghiệp 1 – Công ty CP Sông Đà 909.
 - † 11/2006 ÷ 06/2009: Chỉ huy trưởng (Khu trưởng) – Xi nghiệp 1 – Công ty CP Sông Đà 909.
 - † 07/2009 ÷ 04/2010: Đội trưởng đội xây lắp số 1 – Xi nghiệp 1 – Công ty CP Sông Đà 909.

- 05/2010 + 06/2015: Đội trưởng Đội xây lắp số 3 – Công ty CP SCI E&C.
 - 07/2015 + 08/2019: Giám đốc Chi nhánh Miền Nam – Công ty CP SCI E&C.
 - 09/2019 + 12/2019: Giám đốc BDH Dự án Thủy điện Nậm Sam 3 tại CHDCDN Lào – Công ty CP SCI E&C.
 - 01/2020 + 11/2021: Giám đốc BDH Dự án Điện gió Gelex 1,2,3, Dự án Điện gió Hướng Phụng 2,3, Dự án Điện gió Hướng Linh 7,8 – Công ty CP SCI E&C.
 - 12/2021 + 02/2025: Phó phòng Quản lý dự án – Công ty CP SCI E&C.
 - 03/2025 + 12/2025: Trưởng phòng Quản lý thiết bị - Công ty CP SCI E&C.
 - 12/2025 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP SCI E&C.
- Chức vụ hiện tại tại Công ty: Phó giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
- Trong đó:
 - Sở hữu: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
 - Đại diện sở hữu: 0 cổ phần (tỷ lệ 0%).
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

2.3 Kế toán trưởng

❖ Sơ yếu lý lịch của Kế toán trưởng

↓ Ông Cao Lữ Phi Hùng

Kế toán trưởng Công ty

- Giới tính: Nam.
- Ngày tháng năm sinh: 12/01/1987.
- Số CMTND: 035087000602.
- Quốc tịch: Việt Nam.
- Dân tộc: Kinh.
- Địa chỉ thường trú: Phường Phú Diễn, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 07/2010 + 03/2013: Trợ lý kiểm toán - Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
 - + 04/2013 + 05/2014: Chuyên viên Kế toán – Trường Đại học Kinh tế - ĐHQG Hà Nội
 - + 06/2014 + 12/2014: Kế toán Tổng hợp - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
 - + 01/2015 + 06/2015: Phó Kế toán trưởng - Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
 - + 07/2015 + 08/2017: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần SCI
 - + 09/2017 + 04/2018: Chuyên viên cao cấp Ban Tài chính – Tập đoàn Sungroup
 - + 05/2018 + 06/2018: Phó Kế toán trưởng - Công ty CP Mặt trời Tây Ninh
 - + 07/2018 + 03/2019: Kế toán trưởng - Công ty CP Cáp treo Núi Bà Tây Ninh
 - + 04/2019 + 03/2020: Chuyên viên cao cấp Quản lý thuế - Tập đoàn Sungroup
 - + 04/2020 + 05/2020: Phó phòng TCKT - Công ty Cổ phần SCI E&C
 - + 06/2020 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần SCI E&C

- Chức vụ hiện tại tại công ty: Kế toán trưởng Công ty CP SCI E&C.
- Số cổ phần nắm giữ: 33.500 cổ phần (tỷ lệ 0,11%).
- Trong đó:
 - 1. Sở hữu: 33.500 cổ phần (tỷ lệ 0,11%).
 - 2. Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không.
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Lợi ích liên quan tới Công ty: Không.

2.4 Những thay đổi của Ban điều hành trong năm: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm).

- Miễn nhiệm ông Nguyễn Chính Đại – Phó Chủ tịch HĐQT (ngày 01/01/2025).
- Miễn nhiệm ông Nguyễn Tài Sơn – Thành viên độc lập HĐQT (ngày 28/03/2025).
- Miễn nhiệm ông Nguyễn Quang Thiện – Thành viên độc lập HĐQT (ngày 28/03/2025).
- Bổ nhiệm bà Mai Thị Văn Anh – Thành viên HĐQT (ngày 28/03/2025).
- Bổ nhiệm ông Lê Huy Thành – Thành viên độc lập HĐQT (ngày 28/03/2025).
- Bổ nhiệm ông Nguyễn Duy Toàn – Thành viên độc lập HĐQT (ngày 28/03/2025).
- Bổ nhiệm ông Trần Hoài Nam – Phó giám đốc (ngày 04/12/2025).

2.5 Cơ cấu nhân sự công ty và chế độ cho người lao động: (Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động)

2.5.1 Lao động gián tiếp: 154 người.

2.5.2 Lao động trực tiếp: 434 người.

↓ Chế độ làm việc:

- Thời gian làm việc: 8h / ngày, 5 ngày / tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và tết theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép từ 12 ngày / năm. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.
- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

↓ Chính sách tuyển dụng thu hút nhân tài

Dựa vào nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch tuyển dụng để thu hút người lao động có năng lực. Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự đặc biệt cho từng vị trí, song tất cả các vị trí đều có những yêu cầu chung như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng có hiệu quả, trong những năm qua Công ty đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ trung và năng động của Công ty cổ phần SCI E&C luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

↳ Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng tốt, Ban giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Nếu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp công ty đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết

3.1 Công trình Thủy điện Nậm Mô 2: Toàn dự án hoàn thành 92%

3.2 Công trình Thủy điện Nam Sam 3A: Toàn dự án hoàn thành 13%

3.3 Công trình Thủy điện Nậm Mô 1: Toàn dự án hoàn thành 0,1%

3.4 Công trình nhà máy thủy điện Trị An mở rộng: Toàn dự án hoàn thành 2%

3.5 Công trình nhà máy điện gió Hướng Phùng 1: Toàn dự án hoàn thành 0,4%

3.6 Công trình Khu công nghiệp Dốc Đá Trắng: Toàn dự án hoàn thành 4%

Cuối năm 2025, đầu năm 2026, công ty thực hiện chào bán chứng khoán cho cổ đông hiện hữu để bổ sung vốn lưu động cho các công trình mà công ty đang thi công, cụ thể: Công trình Thủy điện Nam Sam 3A, Công trình Thủy điện Nậm Mô 1, Công trình nhà máy điện gió Hướng Phùng 1, Công trình nhà máy thủy điện Trị An mở rộng. Hiện tại, các dự án vẫn đang được thi công theo các hợp đồng đã được kí kết với Chủ đầu tư.

b) Các công ty con, công ty liên kết (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết):

Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc - Lĩnh vực hoạt động chính: Xây lắp.

Đơn vị: Tỷ VND

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024
Tổng giá trị tài sản	6.841	6.875
Doanh thu thuần	0	0
Lợi nhuận trước thuế	(0,27)	(0,48)
Lợi nhuận sau thuế	(0,27)	(0,48)

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% tăng giảm
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng</i>			
Tổng giá trị tài sản	1.610	1.606	0%
Doanh thu thuần	846	1.008	(16)%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2,5	(79,3)	(103)%
Lợi nhuận khác	1,6	86,8	(98)%
Lợi nhuận trước thuế	4,1	7,5	(45)%
Lợi nhuận sau thuế	1,06	0,02	5.200%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	20%	(100)%

- Các chỉ tiêu khác (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất).

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	1,42	1,40	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh:	0,97	0,93	
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho			
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,69	0,69	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	2,23	2,17	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	1,56	2,08	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Vòng quay tổng tài sản	0,53	0,61	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,00	0,00	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	0,00	0,00	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,00	0,00	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,00	(0,08)	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam

kết của người sở hữu. Trường hợp công ty có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài:

- Tổng số cổ phần: 30.491.409 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 30.491.409 cổ phần
- Công ty đang trong quá trình báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu. Nếu kết quả chào bán được thông qua thì số cổ phần của công ty sẽ là 42.000.000 cổ phần phổ thông, trong đó số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng là 38.980.258 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa.

Cơ cấu cổ đông chưa tính tới số lượng, tỷ lệ thay đổi sau đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu như sau:

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	30.344.878	99,52%
	- Cá nhân	14.620.294	47,95%
	- Tổ chức	15.724.584	51,57%
2	Cổ đông ngoài nước	146.531	0,48%
	- Cá nhân	135.701	0,45%
	- Tổ chức	10.830	0,04%
Tổng cộng:		30.491.409	100,00%

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông lớn	15.550.789	51,0%
2	Cổ đông nhỏ	14.940.620	49,0%
Tổng cộng:		30.491.409	100,0%

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	0	0,0%
2	Cổ đông khác	30.491.409	100,0%
Tổng cộng:		30.491.409	100,0%

Cơ cấu cổ đông nếu kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu được phê duyệt như sau:

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	41.833.256	99,60%
	- Cá nhân	18.313.278	43,60%
	- Tổ chức	23.519.978	56,00%
2	Cổ đông ngoài nước	166.744	0,4%
	- Cá nhân	155.674	0,37%
	- Tổ chức	11.070	0,03%
Tổng cộng:		42.000.000	100,00%

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông lớn	23.326.183	55,54%
2	Cổ đông nhỏ	18.673.817	44,46%
Tổng cộng:		42.000.000	100,0%

TT	Cơ cấu cổ đông	Cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông nhà nước	0	0,0%
2	Cổ đông khác	42.000.000	100,0%
Tổng cộng:		42.000.000	100,0%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nếu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp).

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn (Đối tượng chào bán)	Cơ sở pháp lý
Thành lập	50.000.000	50.000.000	Vốn góp ban đầu	Giấy CNĐKKD số 0500574676 do Sở KHĐT Hà

Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn (Đối tượng chào bán)	Cơ sở pháp lý
2010				Nội cấp ngày 31/05/2010
2015	100.000.000	50.000.000	- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2014 tỷ lệ 10%; - Phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng; - Phát hành cho CBCNV theo chương trình ESOP	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/NQ-SICCO-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015; - Giấy CNĐKKD số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 4 ngày 16/09/2015
2018	109.999.950	9.999.950	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 tỷ lệ 10%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2018/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2018; - Giấy CNĐKKD số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 09 ngày 10/09/2018.
2019	120.999.680	10.999.730	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2018 tỷ lệ 10%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 01/2019/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2019; - Giấy CNĐKKD số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 11 ngày 20/09/2019.
2020	127.048.810	6.049.130	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019 tỷ lệ 5%	- Nghị quyết số 01/2020/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 25/06/2020
2021	254.098.470	127.049.660	- Phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng; - Phát hành cho CBCNV theo chương trình ESOP	- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 301/ GCN - UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/12/2020
2024	304.914.090	50.815.620	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023 tỷ lệ 20%	- Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-SCIEC-ĐHĐCĐ ngày 12/04/2024



Thời điểm tăng vốn	Vốn điều lệ sau khi tăng (nghìn đồng)	Giá trị vốn tăng thêm (nghìn đồng)	Hình thức tăng vốn (Đối tượng chào bán)	Cơ sở pháp lý
				- Giấy CNĐKKD số 0500574676 do sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 31/05/2020, thay đổi lần thứ 17 ngày 25/11/2024.
2026 (đang trong quá trình phê duyệt kết quả tăng vốn)	420.000.000	115.085.910	- Phát hành cổ phiếu chào bán ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 555/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/12/2025.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Nếu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch: Không.

e) Các chứng khoán khác: Nếu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nếu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Trong quá trình triển khai xây dựng các công trình, các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, xây dựng sẽ gây ra một lượng bụi mặt đất cũng như khí thải. Đồng thời, trong quá trình sử dụng, vận hành thì công sẽ tiêu thụ nhiên liệu, năng lượng từ các thiết bị thi công: xe ô tô, máy xúc, khoan, đào....; các trạm trộn, nghiền.... và xử lý nước thải...

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Công ty tăng cường sử dụng các máy móc công nghệ cao, các thiết bị tiết kiệm năng lượng nhằm tiết kiệm nhiên liệu.

- Công ty tăng cường sử dụng hiệu quả máy móc, quản lý nguồn nhiên liệu để sử dụng hiệu quả.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 285.528.760.105 VND.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Công ty chủ yếu sử dụng nguyên vật liệu mới, sạch của các nhà cung cấp, và khuyến khích sử dụng hiệu quả các công cụ dụng cụ đã có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Công ty chủ yếu sử dụng điện trong việc triển khai xây lắp các công trình.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện được dân nhân tiết kiệm năng lượng.

- Nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên về việc sử dụng tiết kiệm năng lượng (điện, nhiên liệu).

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Công ty triển khai tìm kiếm các Dự án thi công xây dựng các công trình năng lượng sạch (điện gió, điện mặt trời...)

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nước trực tiếp tại các công trường xây dựng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty sử dụng nước trực tiếp tại các công trường xây dựng. Công ty luôn nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên về việc sử dụng tiết kiệm nước.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: 588 người, mức lương trung bình: 21,3 triệu/người.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Thời gian làm việc: 8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất, kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

- Ngày phép, nghỉ lễ, Tết, nghỉ ốm thai sản: CBCNV được nghỉ lễ và tết 8 ngày theo quy định của Luật Lao động. Đối với CBCNV làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép từ 12 ngày/năm trở lên. Những người còn lại sẽ được nghỉ phép tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

- Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm tùy theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học

tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ. Công ty thường xuyên cử cán bộ tham gia các khóa tập huấn, đào tạo ngắn ngày và dài ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn, đào tạo ngắn ngày về các nghiệp vụ kinh doanh, đồng thời tổ chức những lớp tập huấn phổ biến công nghệ cho cán bộ kỹ thuật.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Công ty hỗ trợ các cộng đồng tại các khu vực triển khai các công trình.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

Không phát sinh.

Lưu ý: Mục 6 phần II Phụ lục này, công ty có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm.

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có).

Năm 2025 do tình hình khó khăn chung của lĩnh vực xây dựng, cũng như sự tăng giá chung của thị trường nguyên vật liệu đầu vào, nhân công... dẫn đến giá trị sản xuất kinh doanh, doanh thu và lợi nhuận hợp nhất trước thuế của công ty đều chưa đạt kế hoạch đề ra.

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ hoàn thành
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	1.257,5	688,5	54,8%
2	Đầu tư thiết bị thi công	Tỷ đồng	100,0	38,87	38,9%
3	Doanh số	Tỷ đồng	1.312,8	848,6	64,6%
4	Tiền về tài khoản	Tỷ đồng	950,0	1.015,2	107%
5	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tỷ đồng	8,0	4,05	51%

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Dù điều kiện chung có nhiều bất lợi và khó khăn nhưng công ty vẫn đang cố gắng đảm bảo tiến độ thi công theo kế hoạch, để bàn giao công trình cho chủ đầu tư kịp tiến độ. Đồng thời, công ty cũng cố gắng thu hồi công nợ cũ nên tiền về tài khoản vượt so với kế hoạch.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh).

Đơn vị tính: VND

TT	Chi tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Biến động tăng / giảm
Tài sản ngắn hạn		1.519.817.492.673	1.510.510.946.388	9.306.546.285
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	133.151.745.414	69.154.588.844	63.997.156.570
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.554.445.064	6.300.334.480	254.110.584
3	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	592.480.150.977	687.315.946.576	(94.835.795.599)
4	Trả trước cho người bán ngắn hạn	91.370.826.520	56.132.674.840	35.238.151.680
5	Phải thu ngắn hạn khác	23.258.751.832	14.047.200.714	9.211.551.118
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(13.742.303.307)	(13.257.167.891)	(485.135.416)
7	Tài sản thiếu chờ xử lý	-	500.920.049	(500.920.049)
8	Hàng tồn kho	485.371.813.059	501.436.320.267	(16.064.507.208)
9	Tài sản ngắn hạn khác	201.372.063.114	188.880.128.509	12.491.934.605
Tài sản dài hạn		89.857.471.550	95.656.305.380	(5.798.833.830)
1	Các khoản phải thu dài hạn	1.435.930.583	1.244.838.583	191.092.000
2	Tài sản cố định hữu hình	51.781.671.583	68.450.302.980	(16.668.631.397)
3	Tài sản cố định thuê tài chính	25.741.983.038	20.042.663.819	5.699.319.219
4	Tài sản cố định vô hình	1.448.288.444	1.883.682.044	(435.393.600)
5	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7.576.000.000	-	7.576.000.000
6	Tài sản dài hạn khác	1.873.597.902	4.034.817.954	(2.161.220.052)
Tổng cộng		1.609.674.964.223	1.606.167.251.768	3.507.712.455

Trong năm 2025, công ty đã khẩn trương rà soát thu hồi công nợ, tăng cường tìm kiếm, kí kết hợp đồng các công trình mới, đảm bảo công ty phát triển ổn định trong các năm sau.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Đơn vị tính: VND

TT	Chi tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Biến động tăng /giảm
Nợ ngắn hạn		1.070.460.508.878	1.080.745.269.590	(10.284.760.712)
1	Vay và nợ ngắn hạn	382.414.877.099	534.884.382.567	(152.469.505.468)
2	Phải trả người bán	150.937.334.447	177.878.672.474	(26.941.338.027)
3	Người mua trả tiền trước	405.107.227.332	257.836.548.284	147.270.679.048
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	2.104.862.053	6.507.555.420	(4.402.693.367)

TT	Chi tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Biến động tăng /giảm
5	Phải trả người lao động	26.576.358.617	19.307.233.374	7.269.125.243
6	Chi phí phải trả	65.538.199.499	48.367.584.232	17.170.615.267
7	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19.771.122.902	17.952.766.310	1.818.356.592
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	18.010.526.929	18.010.526.929	-
Nợ dài hạn		41.111.111.809	28.190.973.296	12.920.138.513
1	Vay và nợ dài hạn	13.467.328.967	7.180.111.816	6.287.217.151
2	Dự phòng phải trả dài hạn	27.643.782.842	21.010.861.480	6.632.921.362
Tổng cộng		1.111.571.620.687	1.080.745.269.590	2.635.377.801

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Trong năm Công ty thực hiện trả đầy đủ nợ đến hạn. Biến động ảnh hưởng tỷ giá hối đoái và lãi vay đã thể hiện đầy đủ trong báo cáo kết quả kinh doanh và thuyết minh Báo cáo tài chính của công ty theo qui định.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Từng bước triển khai cơ chế khoán cho các bộ phận tại Dự án.
- Vận hành phần mềm quản trị doanh nghiệp Bravo R8.3 cho các phân hệ: Mua hàng, Quản lý kho, Quản lý tài sản, Quản trị tài chính kế toán.
- Triển khai gia hạn chứng chỉ ISO 9001 - 2015, chứng chỉ ISO 45001:2018, làm mới chứng chỉ ESG và chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Đẩy mạnh các biện pháp tiếp thị, đấu thầu như:

- Tăng cường công tác tiếp thị, tìm kiếm các dự án, tập trung mở rộng thị trường, tiếp cận với các Chủ đầu tư mới;
- Nâng cao năng lực đấu thầu, chuẩn bị hồ sơ năng lực, tài liệu của Công ty đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của dự án và Chủ đầu tư, xu hướng thị trường;
- Tiếp tục hoàn thiện năng lực pháp lý của Công ty để đủ điều kiện tham gia đấu thầu những gói thầu thuộc các dự án lớn;

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần):

Ý kiến kiểm toán là chấp nhận toàn phần.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

- Công ty đã sử dụng và tiêu thụ điện năng, nước phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở mức tiết kiệm, giảm thiểu tác động tới môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Công ty đã thực hiện và đảm bảo đầy đủ chế độ, phúc lợi cho người lao động theo qui định hiện hành nhà nước.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Công ty luôn hưởng ứng và ủng hộ các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.*

Năm 2025 là một năm đặc biệt khó khăn đối với cộng đồng doanh nghiệp xây dựng khi phải đồng thời đối mặt với biến động địa chính trị toàn cầu, áp lực chi phí đầu vào tăng cao, thị trường cạnh tranh quyết liệt và môi trường chính sách còn có những điểm chưa đồng bộ, ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng triển khai dự án và mở rộng công việc mới. Trong bối cảnh đó, SCI E&C không lựa chọn tâm thế bị động chờ đợi, mà đã chủ động thích ứng, kiên trì giữ vững tổ chức, kiểm soát chặt chẽ chi phí, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh và tập trung bảo toàn năng lực cốt lõi của doanh nghiệp. Cùng với việc duy trì hoạt động, Công ty đã nỗ lực tìm kiếm việc làm mới, mở rộng tiếp cận thị trường, chuẩn bị nguồn lực và từng bước hoàn thiện năng lực quản trị để sẵn sàng đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Mặc dù kết quả năm 2025 chưa đạt như kỳ vọng, nhưng trong khó khăn, Công ty đã giữ được sự ổn định cần thiết, giữ được nền tảng vận hành, giữ được tinh thần chủ động và giữ được quyết tâm phát triển. Đây chính là giá trị quan trọng để tạo đà cho năm 2026 và các năm tiếp theo khi cơ hội thị trường dần mở ra rõ nét hơn.

Về trách nhiệm môi trường và xã hội: Công ty đã sử dụng và tiêu thu điện năng, nước phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở mức tiết kiệm, giảm thiểu tác động tới môi trường. Đồng thời, Công ty luôn hưởng ứng và ủng hộ các hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao nỗ lực của Giám đốc và Ban điều hành trong việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT; đồng thời yêu cầu tiếp tục kiện toàn đội ngũ quản lý, nâng cao năng lực điều hành để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng quản trị, quản lý điều hành và hiệu quả thực hiện các dự án; chủ động đẩy mạnh công tác tiếp thị, tìm kiếm cơ hội việc làm và đấu thầu trong các lĩnh vực cốt lõi như năng lượng, hạ tầng công nghiệp và môi trường tại Việt Nam và CHDCND Lào; đồng thời tăng cường kiểm soát chi phí, tối ưu nguồn vốn, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, bảo đảm hài hòa lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.

- Song song với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, HĐQT tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh công tác quản trị nhân sự, quản trị rủi ro, pháp lý, kiểm soát nội bộ; tăng cường ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số, tự động hóa trong quản trị và điều hành; chú trọng đào tạo, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động; bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường và tuân thủ pháp luật trong toàn bộ hoạt động của Công ty.

- Tích cực nghiên cứu, tìm kiếm các hướng đi, lĩnh vực và thị trường mới, từng bước mở rộng dự địa tăng trưởng, tạo nền tảng phát triển bền vững cho Công ty ngoài các mảng truyền thống là hạ tầng và năng lượng.

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2026:



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch Năm 2026
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	688,5	1.600,5
2	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	38,87	100,0
3	Doanh số	Tỷ đồng	848,6	1.673,3
4	Tiền về tài khoản	Tỷ đồng	1.015,2	1.338,0
5	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tỷ đồng	4,05	18,0
6	Thu nhập BQ tháng	Tr.đồng	21,3	22,5
7	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	304,9	457,37
8	Trả cổ tức	%	Không thực hiện	5%

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức vụ	Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác
1	Phan Thanh Hải	25,08%	Chủ tịch	0
2	Nguyễn Chính Đại	17,50%	Phó Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 01/01/2025)	0
3	Nguyễn Tài Sơn	0,06%	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/3/2025)	1
4	Nguyễn Quang Thiện	0%	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 28/3/2025)	1
5	Lưu Minh Thành	0,02%	Thành viên	0

TT	Họ và tên	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức vụ	Số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý nắm giữ tại các công ty khác
6	Mai Thị Văn Anh	0%	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/03/2025)	0
7	Lê Huy Thành	0%	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 28/03/2025)	2
8	Nguyễn Duy Toàn	0%	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 28/03/2025)	0

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban.

Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị: Gồm các thành viên:

- Ông Nguyễn Quang Thiện - Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/3/2025)
- Ông Nguyễn Tài Sơn - Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/3/2025)
- Ông Lê Huy Thành - Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/3/2025)
- Ông Nguyễn Duy Toàn - Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 28/3/2025)

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban giám đốc, bộ máy giúp việc cho Giám đốc và người đại diện phần vốn tại các doanh nghiệp có vốn góp của công ty. Qua đó, Ban Giám đốc đã xây dựng và triển khai tổ chức thực hiện các công việc như: (1) xây dựng kế hoạch kinh doanh, triển khai linh hoạt và đồng bộ đến các đơn vị công tác đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, dự báo thị trường, chia sẻ thông tin kịp thời hàng tháng, quý; kiểm soát chi phí và xây dựng các giải pháp nâng cao hiệu quả kinh doanh; (2) thường xuyên, liên tục kiểm tra hoạt động, kiểm tra công tác tài chính kế toán, kiểm tra tính tuân thủ của hệ thống kiểm soát nội bộ và các đơn vị trong hệ thống; (3) thực hiện việc đánh giá năng suất lao động KPI nhằm nâng cao hiệu quả điều hành, năng suất lao động và kết quả kinh doanh. Kiểm tra việc thực hiện các quy định do Hội đồng quản trị ban hành và tình hình chấp hành việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, của các cơ quan chức năng.

Các cuộc họp HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Phan Thanh Hải	30/30	100	
2	Ông Lưu Minh Thành	30/30	100	
3	Bà Mai Thị Văn Anh	27/30	90	Bổ nhiệm 28/03/2025
4	Ông Lê Huy Thành	27/30	90	Bổ nhiệm 28/03/2025
5	Ông Nguyễn Duy Toàn	27/30	90	Bổ nhiệm 28/03/2025
6	Ông Nguyễn Chính Đại	0/30	0	Miễn nhiệm 01/01/2025
7	Ông Nguyễn Tài Sơn	3/30	10	Miễn nhiệm 28/03/2025
8	Ông Nguyễn Quang Thiện	3/30	10	Miễn nhiệm 28/03/2025

Các Nghị quyết trong năm của HĐQT:

Stt	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	01.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	23/01/25	Nghị quyết tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025	100%
2	01.1.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	24/01/25	Nghị quyết Báo cáo HĐQT quý I năm 2025	100%
3	02.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	04/03/25	Nghị quyết về việc thành lập phòng Quản lý thiết bị	100%
4	03.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	31/03/25	Nghị quyết về việc kiện toàn Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025-2030	100%
5	04.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	02/04/25	Nghị quyết vv đầu tư tài sản và điều chỉnh hạn mức tín dụng	100%
6	04.1.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	16/04/25	Nghị quyết Báo cáo HĐQT quý II năm 2025	100%
7	05.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	14/05/25	Nghị quyết Giao quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm với người đại diện theo pháp luật	100%
8	06.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	17/06/25	Nghị quyết lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025	100%
9	07.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	30/06/25	Kế hoạch thực hiện sản lượng năm 2025 và phê duyệt phương án vay vốn tại ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hà Đông	100%
10	08.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	02/07/25	Nghị quyết vv Phê duyệt Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2025	100%
11	09.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	24/07/25	Nghị quyết vv Điều chỉnh phương án vay vốn tại Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hà Đông	100%
12	09.1.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	24/07/25	Nghị quyết Báo cáo HĐQT quý III năm 2025	100%
13	10.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	25/07/25	Nghị quyết thanh lý tài sản 01 máy Shan và 01 xe bán tải Hilux 29H - 36373	100%
14	11.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	15/08/25	Nghị quyết thành lập địa điểm kinh doanh - Trị An, Đồng Nai	100%
15	12.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	28/08/25	Nghị quyết phê duyệt nội dung Thỏa thuận liên danh và hợp đồng gói thầu EPC: Thiết kế, cung cấp, vận chuyển, bảo quản lưu kho bãi, lắp đặt, thí nghiệm, hiệu chỉnh và chạy thử thiết bị cơ điện và dịch vụ kỹ thuật Nhà máy điện gió Hướng Phùng 1	100%
16	13.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	15/10/25	Nghị quyết thông qua triển khai phương án chào bán thêm CP ra công chúng	100%

Stt	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
17	14.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	15/10/25	Nghị quyết thông qua việc đầu tư mua xe máy thiết bị	100%
18	15.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	15/10/25	Nghị quyết thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm CP ra công chúng	100%
19	15.1.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	20/10/25	Nghị quyết kỳ họp Quý IV năm 2025	100%
20	16.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	12/11/25	Nghị quyết thông qua đầu tư mua xe máy thiết bị	100%
21	17.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	03/12/25	Nghị quyết phê duyệt phương án phát hành L/C và phương án vay vốn thanh toán L/C nhập khẩu thiết bị cho dự án Hương Phụng 1 tại NH BIDV Hà Đông	100%
22	18.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	04/12/25	Nghị quyết bổ nhiệm ông Trần Hoài Nam giữ chức vụ Phó giám đốc Công ty	100%
23	19.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	04/12/25	Nghị quyết thông qua chi tiết phương án bổ sung vốn lưu động cho các công trình mà công ty đang triển khai	100%
24	20.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	04/12/25	Nghị quyết thông qua hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu	100%
25	21.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	23/12/25	Quyết định ban hành phân công nhiệm vụ Ban lãnh đạo Công ty	100%
26	21.1.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	23/12/25	Nghị quyết đầu tư tài sản 2025-2026	100%
27	21.1A.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	26/12/25	Nghị quyết ban hành quy chế lương, phụ cấp và thưởng	100%
28	21.2.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	29/12/25	Nghị quyết về việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức Công ty	100%
29	21.3.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	29/12/25	Nghị quyết về việc thành lập phòng Xuất nhập khẩu	100%
30	22.2025.NQ.SCIEC.HĐQT	31/12/25	Nghị quyết thông qua chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền mua CP trong đợt chào bán thêm CP ra công chúng	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

- Các thành viên HĐQT độc lập tích cực tham gia đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT, trao đổi với Ban điều hành để đảm bảo công ty hoạt động đúng theo qui định.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp); Ủy ban kiểm toán (trình bày chi tiết phía dưới)

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm

- Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT đã tham gia theo quy định về quản trị công ty.

2. Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác do công ty phát hành
1	Ông Nguyễn Quang Thiện	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 28/3/2025)	0%	0%
2	Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/3/2025)	0,06%	0%
3	Ông Lê Huy Thành	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/3/2025)	0%	0%
4	Ông Nguyễn Duy Toàn	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 28/3/2025)	0%	0%

b) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán (đánh giá hoạt động của Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp)

Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

- Trên cơ sở nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 và các Nghị quyết HĐQT, Ủy ban kiểm toán thường xuyên giám sát kết quả thực hiện so với Nghị quyết đề ra.

- Ủy ban kiểm toán đã thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh năm 2025 của Công ty, hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và quy định pháp luật có liên quan, tình hình Ban Giám đốc công ty triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

Stt	Thành viên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Huy Thành	2/2	100	100	
2	Ông Nguyễn Duy Toàn	2/2	100	100	

Ủy ban kiểm toán tham gia các cuộc họp định kỳ để đánh giá xem xét các thông tin đã được Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty cung cấp. Từ đó đưa ra các đánh giá trong việc cập nhật tình hình hoạt động Công ty, thu thập thông tin tài liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ)

	Năm 2025	Năm 2024
Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc		
Lương, thưởng HĐQT và Ban Giám đốc		
Ông Phan Thanh Hải - Chủ tịch HĐQT	551.472.000	548.523.500
Ông Nguyễn Chính Đại - Phó chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 01/01/2025)	97.796.000	784.619.750
Ông Lê Huy Thánh - Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 28/3/2025)	72.000.000	-
Ông Nguyễn Duy Toán - Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 28/3/2025)	72.000.000	-
Ông Nguyễn Tài Sơn - Thành viên HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 28/3/2025)	24.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Quang Thiện - Thành viên HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 28/3/2025)	24.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Công Hòa - Phó Giám đốc	726.299.000	851.654.750
Ông Lưu Minh Thành - Thành viên HĐQT, Giám đốc	605.194.000	680.853.500
Bà Mai Thị Văn Anh - Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	484.902.333	529.476.326
Ông Nguyễn Chí Tuyển - Phó Giám đốc	532.367.000	642.641.417
Ông Bùi Chí Giang - Phó Giám đốc	567.678.000	616.486.417
Ông Trần Hoài Nam - Phó Giám đốc	54.292.000	-
Cộng	3.812.000.333	4.846.255.660

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không thay đổi trong năm 2025.

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu năm 2025		Số cổ phiếu sở hữu cuối năm 2025		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên.

Không phát sinh.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty).

Công ty đã thực hiện theo quy định pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Chấp nhận toàn phần

2. Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán (Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán). (Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ).

- Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025 được kiểm toán: File đính kèm.

- Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ năm 2025 đã được công bố trên website của công ty (<https://scigroup.vn/quan-he-co-dong#bao-cao-tai-chinh>) và các trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, Ủy ban chứng khoán theo qui định.

Nơi nhận:

Recipients:

- Công bố TT;
- Lưu: VT, TCKT

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỦ TỊCH HĐQT



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BẢO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05 - 06
4. BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	07
5. BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	08
6. BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	09 - 46

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (Nay là Sở Tài chính Hà Nội) cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười tám ngày 31/08/2025.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là xây lắp.

Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Từ Liêm, TP. Hà Nội.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Phan Thanh Hải	Chủ tịch	
Ông	Nguyễn Chính Đại	Phó chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 01/01/2025
Bà	Mai Thị Vân Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/3/2025
Ông	Lưu Minh Thành	Thành viên	
Ông	Lê Huy Thành	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 28/3/2025
Ông	Nguyễn Duy Toàn	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 28/3/2025
Ông	Nguyễn Tài Sơn	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 28/3/2025
Ông	Nguyễn Quang Thiện	Thành viên độc lập	Miễn nhiệm ngày 28/3/2025

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Lưu Minh Thành	Giám đốc	
Ông	Nguyễn Chí Tuyển	Phó Giám đốc	
Ông	Bùi Chí Giang	Phó Giám đốc	
Ông	Nguyễn Công Hòa	Phó Giám đốc	
Bà	Mai Thị Vân Anh	Phó Giám đốc	
Ông	Trần Hoài Nam	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04/12/2025
Ông	Cao Lữ Phi Hùng	Kế toán trưởng	

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Phan Thanh Hải	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông	Lưu Minh Thành	Giám đốc

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

5. Cam kết của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc



Phan Thanh Hải

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Số: A0625076-HN/MOOREAISHN-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần SCI E&C

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần SCI E&C (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 06 tháng 02 năm 2026, từ trang 05 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần SCI E&C chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán dựa trên các Chuẩn mực Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



MOORE AISC

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần SCI E&C tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 6 tháng 2 năm 2026

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC



Nguyễn Thị Phượng

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 4945-2024-005-1

Phan Công Văn

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số : 5298-2026-005-1



20/2/2026
TÁ
8
10/11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.519.817.492.673	1.510.510.946.388
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	133.151.745.414	69.154.588.844
1. Tiền	111		20.151.745.414	19.154.588.844
2. Các khoản tương đương tiền	112		113.000.000.000	50.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.554.445.064	6.300.334.480
1. Chứng khoán kinh doanh	121		175.656	175.656
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(3.756)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	6.554.269.408	6.300.162.580
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		693.367.426.022	744.739.574.288
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	592.480.150.977	687.315.946.576
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	91.370.826.520	56.132.674.840
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	23.258.751.832	14.047.200.714
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.742.303.307)	(13.257.167.891)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.7	-	500.920.049
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	485.371.813.059	501.436.320.267
1. Hàng tồn kho	141		485.371.813.059	501.436.320.267
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		201.372.063.114	188.880.128.509
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	137.419.000	155.717.055
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		200.737.931.047	188.231.189.112
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		496.713.067	493.222.342
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		89.857.471.550	95.656.305.380
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.435.930.583	1.244.838.583
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.435.930.583	1.244.838.583
II. Tài sản cố định	220		78.971.943.065	90.376.648.843
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	51.781.671.583	68.450.302.980
- Nguyên giá	222		566.177.678.044	554.542.520.201
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(514.396.006.461)	(486.092.217.221)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	25.741.983.038	20.042.663.819
- Nguyên giá	225		33.744.420.344	31.439.369.895
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(8.002.437.306)	(11.396.706.076)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	1.448.288.444	1.883.682.044
- Nguyên giá	228		2.290.000.000	2.290.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(841.711.556)	(406.317.956)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	7.576.000.000	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		7.576.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.873.597.902	4.034.817.954
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	1.873.597.902	4.034.817.954
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.609.674.964.223	1.606.167.251.768

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025	01/01/2025
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.111.571.620.687	1.108.936.242.886
I. Nợ ngắn hạn	310		1.070.460.508.878	1.080.745.269.590
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.14	150.937.334.447	177.878.672.474
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	405.107.227.332	257.836.548.284
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	2.104.862.053	6.507.555.420
4. Phải trả người lao động	314		26.576.358.617	19.307.233.374
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	65.538.199.499	48.367.584.232
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	19.771.122.902	17.952.766.310
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	382.414.877.099	534.884.382.567
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.010.526.929	18.010.526.929
II. Nợ dài hạn	330		41.111.111.809	28.190.973.296
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	13.467.328.967	7.180.111.816
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19	27.643.782.842	21.010.861.480
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		498.103.343.536	497.231.008.882
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	498.103.343.536	497.231.008.882
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		304.914.090.000	304.914.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		304.914.090.000	304.914.090.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(3.830.997.949)	(3.830.997.949)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		9.560.557.541	9.560.557.541
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		187.459.693.944	186.587.359.290
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		186.395.359.290	186.564.047.938
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.064.334.654	23.311.352
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.609.674.964.223	1.606.167.251.768

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bùi Thị Hoa

Cao Lữ Phi Hùng

Phan Thanh Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	846.341.217.253	1.007.950.534.867
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	846.341.217.253	1.007.950.534.867
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	771.141.244.491	1.008.410.706.305
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		75.199.972.762	(460.171.438)
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	17.099.133.888	11.015.823.379
6. Chi phí tài chính	22	VI.5	33.505.116.224	33.427.061.145
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.803.696.599	29.053.844.814
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	56.307.159.128	56.445.359.476
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))	30		2.486.831.298	(79.316.768.680)
9. Thu nhập khác	31	VI.7	2.697.251.974	86.962.471.996
10. Chi phí khác	32	VI.8	1.130.441.537	142.970.079
11. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.566.810.437	86.819.501.917
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		4.053.641.735	7.502.733.237
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	2.989.307.081	7.479.421.885
14. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.064.334.654	23.311.352
Cổ đông của Công ty mẹ	61		1.064.334.654	23.311.352
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	34,91	0,76
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	34,91	0,76

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bùi Thị Hoa

Cao Lữ Phi Hùng



Phan Thanh Hải

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		4.053.641.735	7.502.733.237
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10-12	36.294.532.251	47.616.732.851
- Các khoản dự phòng	03		7.118.053.022	(97.110.466.911)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.167.960.212	(793.459.066)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.718.508.292)	(5.185.742.850)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	25.803.696.599	29.053.844.814
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		74.719.375.527	(18.916.357.925)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		38.210.540.339	65.591.257.896
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		16.064.507.208	(32.324.898.954)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		132.651.677.711	(343.681.925.108)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		2.179.518.107	462.672.692
- Tiền lãi vay đã trả	14		(17.322.540.247)	(23.855.827.561)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.270.620.028)	(1.817.488.032)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		239.232.458.617	(354.542.566.992)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(32.465.826.473)	(29.236.749.595)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		1.789.317.166	2.903.108.786
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(254.106.828)	(322.004.180)
4. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.907.829.702	2.208.150.159
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(29.022.786.433)	(24.447.494.830)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	646.434.192.779	1.230.095.328.593
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(782.142.100.390)	(872.026.563.506)
3. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		(10.474.380.706)	(18.238.070.595)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(146.182.288.317)	339.830.694.492
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+ 30 + 40)	50		64.027.383.867	(39.159.367.330)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		69.154.588.844	108.532.937.558
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(30.227.297)	(218.981.384)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	133.151.745.414	69.154.588.844

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Thị Hoa



Cao Lữ Phi Hùng



Phan Thanh Hải

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần SCI E&C (tên cũ: Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0500574676 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (Nay là Sở Tài chính Hà Nội) cấp lần đầu ngày 31/05/2010, đăng ký thay đổi lần thứ mười tám ngày 31/08/2025.

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 là xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình điện (Xây dựng đường dây; trạm biến áp đến 220kV; Xây dựng nhà máy điện);
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng: Xây dựng nền móng của tòa nhà gồm đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá, lợp mái bao phủ tòa nhà; Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá hủy các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng, dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp, các công việc đòi hỏi chuyên môn cần thiết như kỹ năng treo và sử dụng các thiết bị liên quan, ví dụ làm việc ở tầng cao trên các công trình cao; Các công việc dưới bề mặt; Xây dựng bể bơi ngoài trời; Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài tòa nhà; Thuê cần trục có người điều khiển;
- Xây dựng công trình thủy như: Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống .. Đập và đê;
- Xây dựng công trình công nghiệp khai khoáng không phải nhà như: Nhà máy lọc dầu, công trình khai thác than, quặng, ...
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo không phải nhà như: Nhà máy sản xuất hóa chất cơ bản, hóa dược, dược liệu và hóa chất khác; Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng; Nhà máy chế biến thực phẩm, ...
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác không phải nhà như: Công trình thể thao ngoài trời;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng: làm sạch mặt bằng xây dựng; vận chuyển đất: đào, lấp, san mặt bằng và ủi tại các mặt bằng xây dựng, tiêu nước, vận chuyển đá, nổ mìn. Chuẩn bị mặt bằng để khai thác như: chuyển vật công kênh và các hoạt động chuẩn bị, phát triển khác đối với các mặt bằng và tài sản khoáng sản, ngoại trừ ở những vùng dầu và khí; Khoan thăm dò, khoan lỗ kiểm tra, lấy mẫu thử để kiểm tra về địa chất, địa vật lý hoặc các mục đích tương tự; hệ thống cấp thoát nước mặt bằng xây dựng; hệ thống cấp thoát nước nông nghiệp và lâm
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo)

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện như máy biến thế, rơ le, cầu dao, cầu chì,...); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); Bán buôn máy móc, thiết bị phụ tùng máy công nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán mô tô, xe máy; Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống);
- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác;
- Khai thác quặng sắt (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước cho phép);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Mua bán điện;
- Cho thuê xe có động cơ: Cho thuê ô tô; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm) .

4. Trụ sở chính: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Từ Liêm, TP. Hà Nội.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hằng năm.

6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất
Không có.

7. Cấu trúc doanh nghiệp

7.1 Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần SCI E&C - Chi nhánh Miền Nam	Sóc Trăng	Xây lắp
Công ty Cổ phần SCI E&C - Chi nhánh Miền Trung	Quảng Trị	Xây lắp

7.2 Tổng số các Công ty con.

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 công ty con.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: không có.

Danh sách các công ty con được hợp nhất:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có một (01) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH MTV SCI E&C Miền Bắc	Bản Nà Cúng, xã Khổng Lào, tỉnh Lai Châu, Việt Nam.	Xây lắp	100,00%

7.3 Danh sách các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Không có.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2025: 588 người

(Ngày 31 tháng 12 năm 2024: 609 nhân viên)

9. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất:

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần SCI E&C và các Công ty con ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

Các Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày "Công ty" thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày "Công ty" thực sự chấm dứt quyền kiểm soát các Công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các báo cáo tài chính của các Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ phần SCI E&C theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ phần SCI E&C. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty Cổ phần SCI E&C.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng "Công ty" và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty", kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Công ty" đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí nguyên vật liệu chính.

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất. Giá trị sản phẩm dở cuối kỳ đang được tập hợp theo từng loại sản phẩm chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc, sản phẩm còn dở dang cuối kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**8.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

8.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (tiếp theo)**8.3 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính**

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính: Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính đều được xem là thuê hoạt động.

8.4 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	40 năm
Máy móc, thiết bị	Từ 3 đến 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Từ 3 đến 10 năm
Tài sản cố định khác	Từ 3 đến 5 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 năm
TSCĐ vô hình	3 năm

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

11. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận là tổng số tiền phải trả tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty bao gồm dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng: trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ lãi các khoản tiền gửi, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

22. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thì hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

24. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
Tiền	20.151.745.414	19.154.588.844
Tiền mặt	1.319.351.132	802.231.577
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.832.394.282	17.074.807.267
Tiền đang chuyển	-	1.277.550.000
Các khoản tương đương tiền	113.000.000.000	50.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống (*)	113.000.000.000	50.000.000.000
Cộng	133.151.745.414	69.154.588.844

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống, lãi suất từ 1,9%/năm đến 4,2%/năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Đông.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2025		01/01/2025	
Ngắn hạn	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	6.554.269.408	6.554.269.408	6.300.162.580	6.300.162.580
Cộng	6.554.269.408	6.554.269.408	6.300.162.580	6.300.162.580

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông kỳ hạn 12 tháng lãi suất 4,2%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	592.480.150.977	(12.873.626.681)	687.315.946.576	(12.873.626.681)
Công ty Cổ phần SCI	509.368.854.487	-	568.114.457.879	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	12.901.514.400	-	42.241.439.234	-
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	36.958.814.420	-	36.958.814.420	-
Các khách hàng khác	33.250.967.670	(12.873.626.681)	40.001.235.043	(12.873.626.681)
Cộng	592.480.150.977	(12.873.626.681)	687.315.946.576	(12.873.626.681)
b. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem chi tiết thuyết minh VIII.2)	523.648.376.657	-	610.355.897.113	-

4. Trả trước cho người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	91.370.826.520	(430.058.500)	56.132.674.840	-
Windey Energy Technology Group Co.,LTD	33.727.542.800	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hưng Hà	10.649.044.226	-	15.853.148.417	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Xanh	-	-	6.075.291.114	-
Công ty Cổ phần TS INVEST	8.221.126.469	-	8.687.978.826	-
Công ty Cổ phần Ecoba Việt Nam	5.726.516.118	-	5.726.516.118	-
Các nhà cung cấp khác	33.046.596.907	(430.058.500)	19.789.740.365	-
Cộng	91.370.826.520	(430.058.500)	56.132.674.840	-
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Xem chi tiết thuyết minh VIII.2)	624.800.000	-	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Phải thu khác

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	23.258.751.832	(438.618.126)	14.047.200.714	(383.541.210)
Dự thu lãi tiền gửi, trái phiếu	315.498.417	-	294.136.993	-
Phải thu người lao động	1.459.479.534	-	1.713.676.088	-
Ký cược, ký quỹ	693.900.000	-	425.300.000	-
Tạm ứng	2.930.321.706	-	2.898.017.579	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	787.775.967	(55.076.916)	2.136.213.075	-
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ thuê tài chính	1.451.678.493	-	2.138.714.078	-
Phải thu Công ty Cổ phần SCI	11.455.176.503	-	1.718.305.855	-
Phải thu khác	4.164.921.212	(383.541.210)	2.722.837.046	(383.541.210)
b. Dài hạn	1.435.930.583	-	1.244.838.583	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.435.930.583	-	1.244.838.583	-
Cộng	24.694.682.415	(438.618.126)	15.292.039.297	(383.541.210)
c. Phải thu khác là các bên liên quan				
(Xem chi tiết thuyết minh VIII.2)	11.455.176.503	-	1.718.305.855	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Nợ xấu

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Ngắn hạn	13.742.303.307	-		13.257.167.891
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	12.873.626.681	-		12.873.626.681
Công ty Cổ phần Xây lắp và Phát triển Thành Nam (VNCON)	6.248.083.094	-	Trên 3 năm	6.248.083.094
Công ty Cổ phần Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	-	Trên 3 năm	3.425.189.422
Công ty TNHH Xây dựng Chitchareune	1.810.101.671	-	Trên 3 năm	1.810.101.671
Khách hàng khác	1.390.252.494	-	Trên 3 năm	1.390.252.494
Trả trước cho người bán ngắn hạn	430.058.500	-	Trên 3 năm	-
Phải thu ngắn hạn khác	438.618.126	-	Trên 3 năm	383.541.210
Tổng cộng	13.742.303.307	-		13.257.167.891

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu như sau:

	Nợ phải thu	Tổng cộng
Số đầu năm	(13.257.167.891)	(13.257.167.891)
Trích lập dự phòng bổ sung	(485.135.416)	(485.135.416)
Số cuối năm	(13.742.303.307)	(13.742.303.307)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
Hàng tồn kho thiếu khi kiểm kê	-	500.920.049
	-	500.920.049

8. Hàng tồn kho

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	2.426.921.759	-	320.462.956	-
Nguyên liệu, vật liệu	45.473.040.695	-	49.209.244.069	-
Chi phí SX, KD dở dang	437.471.850.605	-	451.906.613.242	-
Cộng	485.371.813.059	-	501.436.320.267	-

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.

9. Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2025	01/01/2025
Xây dựng cơ bản dở dang	7.576.000.000	-
- Mua sắm tài sản cố định	7.576.000.000	-
Cộng	7.576.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư tại 01/01/2025	11.221.128.927	451.694.641.443	89.273.497.931	2.217.251.900	136.000.000	554.542.520.201
Mua trong năm	-	7.228.646.359	2.020.737.372	164.814.816	401.000.000	9.815.198.547
Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính	-	9.136.917.304	3.632.660.173	-	-	12.769.577.477
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.548.954.545)	(1.400.663.636)	-	-	(10.949.618.181)
Số dư tại 31/12/2025	11.221.128.927	458.511.250.561	93.526.231.840	2.382.066.716	537.000.000	566.177.678.044
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư tại 01/01/2025	8.761.862.808	386.102.719.055	89.140.254.793	1.951.380.565	136.000.000	486.092.217.221
Khấu hao trong năm	280.528.224	27.585.776.906	759.372.286	191.576.285	64.207.888	28.881.461.589
Tăng do mua lại tài sản thuê tài chính	-	7.228.159.196	3.143.786.636	-	-	10.371.945.832
Thanh lý, nhượng bán	-	(9.548.954.545)	(1.400.663.636)	-	-	(10.949.618.181)
Số dư tại 31/12/2025	9.042.391.032	411.367.700.612	91.642.750.079	2.142.956.850	200.207.888	514.396.006.461
Giá trị còn lại						
Số dư tại 01/01/2025	2.459.266.119	65.591.922.388	133.243.138	265.871.335	-	68.450.302.980
Số dư tại 31/12/2025	2.178.737.895	47.143.549.949	1.883.481.761	239.109.866	336.792.112	51.781.671.583

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 30.344.237.771 đồng
* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 399.801.830.804 đồng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư tại 01/01/2025	25.363.006.259	6.076.363.636	31.439.369.895
Thuê TC trong năm	15.018.926.843	-	15.018.926.843
Mua lại TSCĐ thuê TC	(9.122.967.304)	(3.590.909.090)	(12.713.876.394)
Số dư tại 31/12/2025	31.258.965.798	2.485.454.546	33.744.420.344
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại 01/01/2025	8.014.912.286	3.381.793.790	11.396.706.076
Khấu hao trong năm	6.257.540.978	720.136.084	6.977.677.062
Mua lại TSCĐ thuê TC	(7.228.159.196)	(3.143.786.636)	(10.371.945.832)
Số dư tại 31/12/2025	7.044.294.068	958.143.238	8.002.437.306
Giá trị còn lại			
Số dư tại 01/01/2025	17.348.093.973	2.694.569.846	20.042.663.819
Số dư tại 31/12/2025	24.214.671.730	1.527.311.308	25.741.983.038

* Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.

12. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư tại 01/01/2025	2.290.000.000	2.290.000.000
Số dư tại 31/12/2025	2.290.000.000	2.290.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại 01/01/2025	406.317.956	406.317.956
Khấu hao trong năm	435.393.600	435.393.600
Số dư tại 31/12/2025	841.711.556	841.711.556
Giá trị còn lại		
Số dư tại 01/01/2025	1.883.682.044	1.883.682.044
Số dư tại 31/12/2025	1.448.288.444	1.448.288.444

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 110.000.000 đồng

13. Chi phí trả trước

	31/12/2025	01/01/2025
Ngắn hạn	137.419.000	155.717.055
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	137.419.000	155.717.055
Dài hạn	1.873.597.902	4.034.817.954
Thi công cải tạo, cung cấp, lắp đặt nội thất văn phòng	1.873.597.902	4.034.817.954
Cộng	2.011.016.902	4.190.535.009

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Phải trả người bán

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	150.937.334.447	150.937.334.447	177.878.672.474	177.878.672.474
Voith Hydro Private Limited	39.547.167.428	39.547.167.428	60.809.999.610	60.809.999.610
Voith Hydro S.L (VHTO)	-	-	13.694.540.917	13.694.540.917
Vientchalem Oil Co., LTD	-	-	7.974.791.519	7.974.791.519
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ D.N.T	7.933.421.707	7.933.421.707	7.933.421.707	7.933.421.707
Các nhà cung cấp khác	103.456.745.312	103.456.745.312	87.465.918.721	87.465.918.721
Cộng	150.937.334.447	150.937.334.447	177.878.672.474	177.878.672.474

15. Người mua trả tiền trước

	31/12/2025	01/01/2025
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	405.107.227.332	257.836.548.284
Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 2 - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty Cổ phần	78.309.319.000	-
Công ty Cổ phần SCI	234.990.372.578	231.612.474.622
Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam - Ban dự án Nhiệt điện Long Phú	13.588.401.409	13.588.401.409
Ban QLDA Điện 3 - Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam	43.627.234.447	-
Các khách hàng khác	34.591.899.898	12.635.672.253
Cộng	405.107.227.332	257.836.548.284
b. Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
(Xem chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)	238.131.110.191	231.612.474.622

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	01/01/2025	Số phải nộp tăng trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2025
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng hàng trong nước	-	3.125.475.777	3.125.475.777	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	296.685.114	296.685.114	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	18.355.648	18.355.648	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.068.989.393	2.989.307.081	7.267.129.303	1.791.167.171
Thuế thu nhập cá nhân	405.637.342	2.502.464.365	2.627.335.510	280.766.197
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	48.826.575	48.826.575	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	32.928.685	716.693.551	716.693.551	32.928.685
Cộng	6.507.555.420	9.697.808.111	14.100.501.478	2.104.862.053
b. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	2.214.900	-	-	2.214.900
Thuế thu nhập doanh nghiệp	491.007.442	-	3.490.725	494.498.167
Cộng	493.222.342	-	3.490.725	496.713.067

Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

	Mức thuế suất
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho công trình xây dựng ở nước ngoài là 0%	0%
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các công trình xây dựng trong nước là 8%	8%

Trong kỳ Công ty được giảm thuế GTGT theo Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 giảm thuế GTGT 8%, Nghị quyết 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024 và Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho các khu đất đang sử dụng với mức tiền thuê như sau:

Vị trí đất	Mức tiền thuê
Xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội (nay là xã Phú Nghĩa, thành phố Hà Nội)	5.345 VND/m2

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

17. Chi phí phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn	65.538.199.499	48.367.584.232
Chi phí lãi vay	14.008.353.115	5.527.196.763
Trích trước chi phí các công trình	51.529.846.384	42.840.387.469
Cộng	65.538.199.499	48.367.584.232
b. Chi phí phải trả là các bên liên quan		
(Xem chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)	13.745.041.096	5.074.493.151

18. Phải trả khác

	31/12/2025	01/01/2025
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	3.915.035.098	3.407.747.698
Cổ tức phải trả	494.134.700	494.134.700
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	701.080.800	91.320.000
Phải trả Công ty cổ phần điện gió Hương Linh 8 về thu hộ tiền đền bù của Enercon	4.005.716.360	4.005.716.360
Đoàn phí công đoàn và quỹ đồng nghiệp thu của CBNV	9.906.630.895	8.614.189.257
Các khoản phải trả CBNV và nội bộ khác	594.666.171	1.185.227.249
Các khoản phải trả, phải nộp khác	153.858.878	154.431.046
Cộng	19.771.122.902	17.952.766.310
b. Phải trả khác là bên liên quan		
(Xem chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)	4.005.716.360	4.005.716.360

19. Dự phòng phải trả

	31/12/2025	01/01/2025
Dài hạn	27.643.782.842	21.010.861.480
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	27.643.782.842	21.010.861.480
Cộng	27.643.782.842	21.010.861.480

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vay và nợ thuế tài chính	Trong năm					
	01/01/2025		31/12/2025			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (1)	534.884.382.567	534.884.382.567	637.210.813.342	789.680.318.810	382.414.877.099	382.414.877.099
- Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị (2)	528.322.164.147	528.322.164.147	625.491.767.979	781.942.100.390	371.871.831.736	371.871.831.736
- Vay ngắn hạn cá nhân	355.322.164.147	355.322.164.147	608.991.767.979	775.442.100.390	188.871.831.736	188.871.831.736
Vay dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (3)	173.000.000.000	173.000.000.000	10.000.000.000	-	183.000.000.000	183.000.000.000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả						
- Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST- CN Hà Nội (4)	-	-	6.500.000.000	6.500.000.000	-	-
- Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (5)	-	-	1.576.000.000	1.176.000.000	400.000.000	400.000.000
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	-	1.576.000.000	1.176.000.000	400.000.000	400.000.000
- Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội (6)	-	-	-	-	-	-
- Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội (7)	-	-	-	-	-	-
	6.562.218.420	6.562.218.420	10.143.045.363	6.562.218.420	10.143.045.363	10.143.045.363
	732.942.852	732.942.852	710.357.153	732.942.852	710.357.153	710.357.153
	4.196.115.818	4.196.115.818	4.359.352.512	4.196.115.818	4.359.352.512	4.359.352.512
	1.175.966.950	1.175.966.950	-	1.175.966.950	-	-
	457.192.800	457.192.800	457.192.800	457.192.800	457.192.800	457.192.800
	-	-	4.616.142.898	-	4.616.142.898	4.616.142.898



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

	01/01/2025		Trong năm		31/12/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn						
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (3)	-	-	9.223.379.437	2.936.162.286	13.467.328.967	13.467.328.967
Nợ thuê tài chính dài hạn						
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST- Chi nhánh Hà Nội (4)	13.742.330.236	13.742.330.236	16.207.424.800	10.474.380.706	19.475.374.330	19.475.374.330
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (5)	1.443.300.005	1.443.300.005	-	732.942.852	710.357.153	710.357.153
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	10.018.180.330	10.018.180.330	2.621.024.800	4.985.205.338	7.653.999.792	7.653.999.792
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Sài Gòn thương tín - Chi nhánh Hà Nội (6)	1.175.966.950	1.175.966.950	-	1.175.966.950	-	-
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chaillease - Chi nhánh Hà Nội (7)	1.104.882.951	1.104.882.951	-	457.192.800	647.690.151	647.690.151
Nợ đến hạn trả trong 12 tháng	-	-	13.586.400.000	3.123.072.766	10.463.327.234	10.463.327.234
Cộng	(6.562.218.420)	(6.562.218.420)	(11.719.045.363)	(7.738.218.420)	(10.543.045.363)	(10.543.045.363)
	542.064.494.383	542.064.494.383	646.434.192.779	792.616.481.096	395.882.206.066	395.882.206.066
c. Vay và nợ thuê tài chính là bên liên quan						
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị (2)	173.000.000.000	173.000.000.000	10.000.000.000	-	183.000.000.000	183.000.000.000
Cộng	173.000.000.000	173.000.000.000	10.000.000.000	-	183.000.000.000	183.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI E&C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thuyết minh chi tiết các khoản vay

Vay ngắn hạn						
Stt	Ngân hàng / Hợp đồng / Tài khoản	Hạn mức / Số tiền cho vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại 31/12/2025	Phương thức đảm bảo tiền vay
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (1)						
Hợp đồng tín dụng số						
1	01/2025/283367/HDTD ngày 18/08/2025	900.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	Thời hạn cấp tín dụng đến 31/07/2026	188.871.831.736	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị (2)					183.000.000.000	
Hợp đồng số 01/HĐV/SCI						
1	QUANG TRI-SCI E&C ngày 03/05/2024	40.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và được gia hạn thêm 12 tháng	40.000.000.000	Tín chấp
Hợp đồng số 02/HĐV/SCI						
2	QUANG TRI-SCI E&C ngày 31/05/2024	115.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động		115.000.000.000	Tín chấp
Hợp đồng số 03/HĐV/SCI						
3	QUANG TRI-SCI E&C ngày 03/07/2024	18.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động		18.000.000.000	Tín chấp
Hợp đồng số 04/HĐV/SCI						
4	QUANG TRI-SCI E&C ngày 17/12/2025	10.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động	12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	10.000.000.000	Tín chấp
Vay dài hạn						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Đông (3)					4.535.000.000	
Hợp đồng tín dụng số						
1	01/283367/2025/HDTD ngày 9/6/2025	7.576.000.000	Đầu tư 01 Hệ thống băng tải RCC và phụ kiện đi kèm	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	4.535.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Sst	Ngân hàng / Hợp đồng / Tài khoản	Hạn mức / Số tiền cho vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại 31/12/2025	Phương thức đảm bảo tiền vay
Nợ thuê tài chính						
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST-CN Hà Nội (4)					710.357.153	
Hợp đồng thuê tài chính						
1	số 21723000720/HDC TC ngày 13/12/2023	1.347.250.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	461.914.289	
Hợp đồng thuê tài chính						
2	số 21723000642/HDC TTC	930.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	248.442.864	
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (5)					7.653.999.792	
Hợp đồng thuê tài chính						
1	số 02.056/2024/TSC-CTTC ngày 04/06/2024	3.250.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.299.986.000	
Hợp đồng thuê tài chính						
2	số 02.057/2024/TSC-CTTC ngày 04/06/2024	984.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	418.188.000	
Hợp đồng thuê tài chính						
3	số 02.058/2024/TSC-CTTC ngày 04/06/2024	766.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	325.534.000	
Hợp đồng thuê tài chính						
4	số 02.066/2024/TSC-CTTC ngày 17/06/2024	984.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	418.188.000	
Hợp đồng thuê tài chính						
5	số 02.104/2024/TSC-CTTC ngày 10/10/2024	6.850.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	2.794.580.000	
Hợp đồng thuê tài chính						
6	số 02.092/2023/TSC-CTTC ngày 25/07/2023	3.728.814.900	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	565.588.512	
Hợp đồng thuê tài chính						
7	số 02.125/2025/TSC-CTTC ngày 30/09/2025	2.621.024.800	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.831.935.280	

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)						
Stt	Ngân hàng / Hợp đồng / Tài khoản	Hạn mức / Số tiền cho vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại 31/12/2025	Phương thức đảm bảo tiền vay
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội (6)						
Hợp đồng thuê tài chính						
1	số SBL020202405004 ngày 06/05/2024	1.828.771.668	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	647.690.151	
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội (7)						
Hợp đồng thuê tài chính						
1	số B251136313 ngày 20/11/2025	2.040.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.573.066.667	
Hợp đồng thuê tài chính						
2	số B251132213 ngày 20/11/2025	3.733.200.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	2.698.633.900	
Hợp đồng thuê tài chính						
3	số B251136213 ngày 08/12/2025	2.040.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.573.066.667	
Hợp đồng thuê tài chính						
4	số B251216113 ngày 16/12/2025	2.040.000.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	1.632.000.000	
Hợp đồng thuê tài chính						
5	số B251120713 ngày 16/12/2025	3.733.200.000	Phục vụ thi công xây dựng	36 tháng kể từ ngày nhận nợ	2.986.560.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2024	254.098.470.000	(3.830.997.949)	9.560.557.541	237.684.709.408	497.512.739.000
Tăng vốn	50.815.620.000			(50.815.620.000)	-
Lợi nhuận	-	-	-	23.311.352	23.311.352
Thù lao HĐQT không chuyên trách	-	-	-	(192.000.000)	(192.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(113.041.470)	(113.041.470)
Số dư tại 31/12/2024	304.914.090.000	(3.830.997.949)	9.560.557.541	186.587.359.290	497.231.008.882
Số dư tại 01/01/2025	304.914.090.000	(3.830.997.949)	9.560.557.541	186.587.359.290	497.231.008.882
Lợi nhuận	-	-	-	1.064.334.654	1.064.334.654
Thù lao HĐQT không chuyên trách (*)	-	-	-	(192.000.000)	(192.000.000)
Số dư tại 31/12/2025	304.914.090.000	(3.830.997.949)	9.560.557.541	187.459.693.944	498.103.343.536

(*) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-SCIEC-DHĐCĐ ngày 28/03/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

Số tiền

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
Thù lao HĐQT, BKS không chuyên trách

23.311.352
192.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2025	Tỷ lệ vốn góp	01/01/2025
Công ty Cổ phần SCI	51,00%	155.507.890.000	51,00%	155.507.890.000
Các cổ đông khác	49,00%	149.406.200.000	49,00%	149.406.200.000
Cộng	100,00%	304.914.090.000	100,00%	304.914.090.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2025	Năm 2024
Vốn góp của chủ sở hữu	304.914.090.000	304.914.090.000
Vốn góp đầu năm	304.914.090.000	254.098.470.000
Vốn góp tăng trong năm	-	50.815.620.000
Vốn góp cuối năm	304.914.090.000	304.914.090.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.491.409	30.491.409
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.491.409	30.491.409
Cổ phiếu phổ thông	30.491.409	30.491.409
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	30.491.409	30.491.409
Cổ phiếu phổ thông	30.491.409	30.491.409
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2025	01/01/2025
Quỹ đầu tư phát triển	9.560.557.541	9.560.557.541
Cộng	9.560.557.541	9.560.557.541

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại	31/12/2025		01/01/2025	
	Số lượng	Giá trị (đồng)	Số lượng	Giá trị (đồng)
Đồng đô la Mỹ (USD)	74.058,54	1.841.754.895	4.930,60	124.900.935
Kip Lào (LAK)	7.574.310.824,70	9.251.014.604	5.534.423	6.737.296
Đồng Euro (EUR)	3.470,76	106.336.158	3.729,06	97.637.978
Cộng		11.199.105.657		229.276.209

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	806.873.079.639	972.332.915.864
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	39.468.137.614	35.617.619.003
Cộng	846.341.217.253	1.007.950.534.867
b. Doanh thu đối với các bên liên quan		
(Chi tiết tại thuyết minh số VIII.2)		
	773.242.628.210	905.445.978.698
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu hợp đồng xây dựng	806.873.079.639	972.332.915.864
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	39.468.137.614	35.617.619.003
Cộng	846.341.217.253	1.007.950.534.867
3. Giá vốn hàng bán		
	Năm 2025	Năm 2024
Giá vốn hợp đồng xây dựng	734.834.764.515	976.592.141.522
Giá vốn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	36.306.479.976	31.818.564.783
Cộng	771.141.244.491	1.008.410.706.305
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.929.179.426	2.282.634.064
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.700	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	15.166.899.281	7.939.730.249
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	3.043.481	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	793.459.066
Cộng	17.099.133.888	11.015.823.379

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Chi phí tài chính

	Năm 2025	Năm 2024
Lãi tiền vay	25.803.696.599	29.053.844.814
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.533.133.138	4.372.882.544
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	5.167.960.212	-
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(3.756)	3.756
Chi phí tài chính khác	330.031	330.031
Cộng	33.505.116.224	33.427.061.145

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.644.239.588	3.471.948.919
Chi phí nhân công	30.928.720.893	29.258.604.928
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.629.267.192	1.681.504.024
Chi phí dự phòng	485.135.416	-
Thuế, phí, và lệ phí	2.841.630.897	3.248.120.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.648.600.230	9.022.318.706
Chi phí khác bằng tiền	10.129.564.912	9.762.862.696
Cộng	56.307.159.128	56.445.359.476

7. Thu nhập khác

	Năm 2025	Năm 2024
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.789.317.166	2.903.108.786
Tiền bồi thường, lãi chậm trả	43.500.000	-
Hoàn nhập chi phí bảo hành công trình	-	64.604.210.356
Các khoản khác	864.434.808	19.455.152.854
Cộng	2.697.251.974	86.962.471.996

8. Chi phí khác

	Năm 2025	Năm 2024
Các khoản bị phạt	845.897.638	142.970.079
Các khoản khác	284.543.899	-
Cộng	1.130.441.537	142.970.079

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	285.528.760.105	612.873.991.426
Chi phí nhân công	162.932.394.407	200.622.437.084
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.294.532.251	47.616.732.851
Chi phí dịch vụ mua ngoài	281.051.834.081	214.014.651.572
Chi phí khác bằng tiền	46.720.984.722	31.554.899.541
Cộng	812.528.505.566	1.106.682.712.474

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025	Năm 2024
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	4.053.641.735	7.502.733.237
a. Các khoản điều chỉnh tăng	6.756.467.000	29.415.796.277
Chi phí lãi vay không được trừ	5.403.798.166	29.053.844.814
Chi phí không hợp lệ	1.322.441.537	142.970.079
Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	30.227.297	218.981.384
b. Thu nhập không tính thuế	1.881.546.521	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.700	-
Điều chỉnh thu nhập khác, lợi nhuận tính thuế theo BBKT thuế năm 2023,2024	1.881.534.821	-
c. Ảnh hưởng của điều chỉnh hợp nhất	27.273.639	478.579.912
Thu nhập tính thuế	8.955.835.853	37.397.109.426
Thu nhập chịu thuế suất 20%	8.955.835.853	37.397.109.426
Thu nhập chịu thuế suất 10%	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.791.167.171	7.479.421.885
Điều chỉnh tăng chi phí thuế TNDN năm 2023, 2024	1.198.139.910	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.989.307.081	7.479.421.885

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.064.334.654	23.311.352
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.064.334.654	23.311.352
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.491.409	30.491.409
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34,91	0,76

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

12. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.064.334.654	23.311.352
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	1.064.334.654	23.311.352
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	30.491.409	30.491.409
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm sau khi đã điều chỉnh các yếu tố suy giảm	30.491.409	30.491.409
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	34,91	0,76

13. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

13.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh nào để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

13.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31/12/2025	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	382.414.877.099	13.467.328.967	395.882.206.066
Phải trả người bán	150.937.334.447	-	150.937.334.447
Chi phí phải trả	65.538.199.499	-	65.538.199.499
Các khoản phải trả khác	4.860.656.038	-	4.860.656.038
Cộng	603.751.067.083	13.467.328.967	617.218.396.050
Tại ngày 01/01/2025	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	534.884.382.567	7.180.111.816	542.064.494.383
Phải trả người bán	177.878.672.474	-	177.878.672.474
Chi phí phải trả	48.367.584.232	-	48.367.584.232
Các khoản phải trả khác	4.078.921.006	-	4.078.921.006
Cộng	765.209.560.279	7.180.111.816	772.389.672.095

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng (Xem Thuyết minh Vay và nợ thuê tài chính).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của bên thứ ba tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2025		01/01/2025		31/12/2025	01/01/2025
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
Tài sản tài chính						
- Tiền và các khoản tương đương tiền	133.151.745.414	-	69.154.588.844	-	133.151.745.414	69.154.588.844
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.554.445.064	-	6.300.338.236	(3.756)	6.554.606.008	6.300.334.480
- Phải thu khách hàng	592.480.150.977	(12.873.626.681)	687.315.946.576	(12.873.626.681)	579.606.524.296	674.442.319.895
- Phải thu khác	16.723.372.099	(438.618.126)	6.871.492.969	(383.541.210)	16.284.753.973	6.487.951.759
- Kí cược, kí quỹ	2.129.830.583	-	1.670.138.583	-	2.129.830.583	1.670.138.583
TỔNG CỘNG	751.039.544.137	(13.312.244.807)	771.312.505.208	(13.257.171.647)	737.727.460.274	758.055.333.561
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	395.882.206.066	-	542.064.494.383	-	395.882.206.066	542.064.494.383
- Phải trả người bán	150.937.334.447	-	177.878.672.474	-	150.937.334.447	177.878.672.474
- Chi phí phải trả	65.538.199.499	-	48.367.584.232	-	65.538.199.499	48.367.584.232
- Phải trả khác	4.860.656.038	-	4.078.921.006	-	4.860.656.038	4.078.921.006
TỔNG CỘNG	617.218.396.050	-	772.389.672.095	-	617.218.396.050	772.389.672.095

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2025	Năm 2024
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	646.434.192.779	1.230.095.328.593

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025	Năm 2024
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(782.142.100.390)	(872.026.563.506)

3. Số tiền đã thực trả gốc thuê tài chính trong năm

	Năm 2025	Năm 2024
- Tiền trả nợ gốc thuê tài chính theo kế ước thông thường	(10.474.380.706)	(18.238.070.595)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Điện gió Hướng Linh 8	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	Cùng tập đoàn
Ông Phan Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT
Bà Mai Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 28/3/2025), Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 28/3/2025)
Ông Nguyễn Quang Thiện	Thành viên HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 28/3/2025)
Ông Lê Huy Thành	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 28/3/2025)
Ông Nguyễn Duy Toàn	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 28/3/2025)
Ông Lưu Minh Thành	Giám đốc, Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Chí Tuyền	Phó Giám đốc
Ông Bùi Chí Giang	Phó Giám đốc
Ông Trần Hoài Nam	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/12/2025)
Ông Cao Lữ Phi Hùng	Kế toán trưởng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch phát sinh trong năm:	Mối quan hệ	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		773.242.628.210	905.445.978.698
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	769.838.858.412	795.587.481.919
Công ty Cổ phần SCI Nghệ An	Cùng tập đoàn	-	25.318.579.963
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	2.026.627.746	4.603.833
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	1.377.142.052	84.535.312.983
Mua hàng hóa dịch vụ		18.749.203.294	16.730.523.881
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	18.749.203.294	16.439.830.548
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	-	290.693.333
Tiền thu từ đi vay		10.000.000.000	173.000.000.000
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	Cùng tập đoàn	10.000.000.000	173.000.000.000
Chi phí lãi vay		8.670.547.945	5.074.493.151
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	Cùng tập đoàn	8.670.547.945	5.074.493.151
Chênh lệch tỷ giá phát sinh		9.736.870.648	1.718.305.855
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	9.736.870.648	1.718.305.855
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:			
	Mối quan hệ	31/12/2025	01/01/2025
Phải thu ngắn hạn khách hàng		523.648.376.657	610.355.897.113
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	509.368.854.487	568.114.457.879
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Cùng tập đoàn	12.901.514.400	42.241.439.234
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	1.378.007.770	-
Trả trước cho người bán		624.800.000	-
Công ty Cổ phần tư vấn SCI	Cùng tập đoàn	624.800.000	-
Người mua trả tiền trước		238.131.110.191	231.612.474.622
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	234.990.372.578	231.612.474.622
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	Cùng tập đoàn	3.140.737.613	-
Chi phí phải trả về lãi vay		13.745.041.096	5.074.493.151
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	Cùng tập đoàn	13.745.041.096	5.074.493.151
Vay và nợ thuê tài chính		183.000.000.000	173.000.000.000
Công ty Cổ phần SCI Quảng Trị	Cùng tập đoàn	183.000.000.000	173.000.000.000
Phải thu khác		11.455.176.503	1.738.305.855
Công ty Cổ phần điện gió Hướng Linh 8	Cùng tập đoàn	-	20.000.000
Công ty Cổ phần SCI	Công ty mẹ	11.455.176.503	1.718.305.855
Phải trả khác		4.005.716.360	4.005.716.360
Công ty Cổ phần điện gió Hướng Linh 8	Cùng tập đoàn	4.005.716.360	4.005.716.360

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)			
+ Lương và thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc			
		Năm 2025	Năm 2024
Ông Phan Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT	551.472.000	548.523.500
Ông Nguyễn Chính Đại	Phó chủ tịch HĐQT (miễn nhiệm ngày 01/01/2025)	97.796.000	784.619.750
Ông Lê Huy Thành	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 28/3/2025)	72.000.000	-
Ông Nguyễn Duy Toàn	Thành viên HĐQT độc lập (bổ nhiệm ngày 28/3/2025)	72.000.000	-
Ông Nguyễn Tài Sơn	Thành viên HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 28/3/2025)	24.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Quang Thiện	Thành viên HĐQT độc lập (miễn nhiệm ngày 28/3/2025)	24.000.000	96.000.000
Ông Nguyễn Công Hòa	Phó Giám đốc	726.299.000	851.654.750
Ông Lưu Minh Thành	Giám đốc	605.194.000	680.853.500
Bà Mai Thị Vân Anh	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc	484.902.333	529.476.326
Ông Nguyễn Chí Tuyển	Phó Giám đốc	532.367.000	642.641.417
Ông Bùi Chí Giang	Phó Giám đốc	567.678.000	616.486.417
Ông Trần Hoài Nam	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 04/12/2025)	54.292.000	-
		3.812.000.333	4.846.255.660

3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận
- 3.1. Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo lĩnh vực kinh doanh
- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.
- 3.2. Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý
- Công ty phát sinh doanh thu chủ yếu ngoài lãnh thổ Việt Nam (chiếm hơn 90%), do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.
4. Thông tin so sánh
- Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2025 trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2025 và số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISIC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

NGƯỜI LẬP BIỂU



Bùi Thị Hoa

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Cao Lữ Phi Hùng

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2026
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Phan Thanh Hải

ANH HỒN

C.P. 1/2